



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Phạm Ngọc Lân

Vấn Đề Trong Tháng

Vụ án nhóm Diễn Đàn Tự Do sắp diễn ra

Ngày 24-7-1992, các thành viên của nhóm Diễn Đàn Tự Do đã bị áp giải lên văn phòng trại giam Phan Đăng Lưu để nghe đọc cáo trạng buộc tội họ. Trong số hơn 20 người bị bắt giam trong vụ "Diễn Đàn Tự Do" có tám người được coi là thành viên thực sự của nhóm và bị giải tòa. Những người khác đã được "tạm tha" sau 20 tháng giam cầm.

Tám người sắp bị giải tòa, theo thứ tự nặng nhẹ là Đoàn Viết Hoạt, Phạm Đức Khâm, Nguyễn Văn Thuận, Hoàng Cao Nhã, Hồ Xuân Đồng, Phạm Thái Thủy, Lê Đức Vương, Nguyễn Thiệu Hùng.

Theo cáo trạng, nhóm Diễn Đàn Tự Do bị buộc tội "âm mưu lật đổ nhà nước xã hội chủ nghĩa". Mức án có thể từ 12 đến 20 năm tù. Riêng Đoàn Viết Hoạt bản cáo trạng cho hay ông có thể bị kết án tử hình.

Điều đáng lưu ý là ông Thích Minh Châu, người đứng đầu Giáo hội Phật giáo chính thức và cũng là đại biểu quốc hội đã không hề lên tiếng về vụ án thô bạo này mặc dầu tất cả thành viên nhóm Diễn Đàn Tự Do đều là Phật tử, và riêng Đoàn Viết Hoạt còn là phụ tá của ông Minh Châu khi ông làm viện trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh. Ông Minh Châu và giáo hội Phật giáo quốc doanh của ông đã im lặng như họ đã từng im lặng trước những vụ Thiện Minh, Huyền Quang, Quảng Độ, Tuệ Sĩ, Lê Mạnh Thát, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Thanh Liêm.

Đoàn Viết Hoạt và các bạn ông đã phạm tội gì?

Họ chỉ nói lên lập trường dân chủ. Họ không vi phạm một luật lệ nào và cũng không hề có một hành động phá rối trật tự an ninh nào. Họ không chống lại một chủ nghĩa nào và cũng không đòi lật đổ ai cả. Điều mà họ đòi là mọi người - kể cả người cộng sản - thuộc mọi khuynh hướng - kể cả khuynh hướng xã hội chủ nghĩa - phải được nhìn nhận nhiệm vụ và chỗ đứng ngang nhau. Nếu kết án họ thì phải nói muốn dân chủ là một tội.

Nhưng ở Việt Nam hiện nay, ai không nói tới dân chủ, dù là thường dân hay cán bộ đảng viên cộng sản?

Vụ án Đoàn Viết Hoạt, cũng như những vụ án Nguyễn Đan Quế, Đoàn Thanh Liêm, Nguyễn Ngọc Đại trước đây là những vụ án đáng lẽ không thể có. Họ đã bị xử án chỉ vì họ là những con người có tầm vóc, có khả năng lôi kéo được sự ủng hộ của quần chúng Việt Nam. Bắt giam và xét xử họ, đảng cộng sản đã muốn loại trừ những đối thủ lợi hại và ngăn chặn sự xuất hiện của những đối thủ khác. Tập đoàn lãnh đạo cộng sản đang quyết tâm chặt đi những cái đầu dám vươn lên khỏi đám đông. Họ muốn dân tộc Việt Nam phải là một giống người lùn.

Chính quyền cộng sản không được nhân dân chấp nhận nữa, nhưng nó lại dùng bạo lực để ngăn chặn sự xuất hiện của mọi con người có thể được nhân dân chấp nhận. Chế độ này không có giải đáp nào chấp nhận được cho đất nước nhưng lại hung bạo cấm đoán sự ra đời của những giải đáp. Nó đưa dân tộc vào bế tắc và

Trong số này

- 1. Vấn đề trong tháng
- 3. Chính trị quốc tế: Huỳnh Hùng
- Một tinh thần mới cho hiến chương LHQ
- 4. Vì đất nước hôm nay và ngày mai: Trần Thanh Hiệp
- Mấy ghi chú về lập trường quốc gia dân tộc
- 9. Dân chủ? Đảng vẫn là ông chủ! Bùi Tín
- 11. Tham luận: Phùng Nguyễn
- Những cái áo mới của ông Đặng
- 14. Đại hội XIV đảng cộng sản Trung Quốc Trần Nhân Võ
- 15. Một tấm gương Mạc Hoàng
- 16. Tiếc thương
- 17. Thời sự - Tìn tức
- 23. Độc giả viết
- 24. Sở tay: Quỳnh Mỹ Lan
- Già Argus
- Phù Du

ngăn chặn mọi lối ra. Sau khi đã cúi mặt để cho Trung Quốc xâm lấn lãnh hải và lãnh thổ, đảng cộng sản giương móng vuốt cắn xé những người yêu nước. Một mặt để cho trộm cướp, tham nhũng, buôn lậu mặc sức lộng hành, một mặt đàn áp dã man những người lương thiện nói lên thao thức của mình với đất nước. Chế độ này là tội cùng của sự vô lý.

Sự mù quáng khó tưởng tượng của những người lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam đã khiến họ không thấy được rằng không có bạo lực nào có thể thắng được sức mạnh của một ý thức đã chín muồi, không có sự vùng vẫy nào có thể ngăn cản được một trào lưu được lòng người và được sự chuyên chở của thời đại.

Đoàn Viết Hoạt và các bạn ông không đơn độc. Họ có những chí hữu ở trong nước và ở ngoài nước bên vực họ, vụ án này sẽ không ếm nhem như những vụ án trước. Tại Hoa Kỳ, các thân hữu đã tranh thủ được sự ủng hộ của rất nhiều dân biểu nghị sĩ. Tại Pháp, chính phủ xã hội Pháp bày tỏ quan tâm và đã ủy nhiệm ngoại trưởng Roland Dumas theo dõi vụ án. Cánh hữu - hầu như chắc chắn sẽ cầm quyền vào tháng 3-1993 tới đây - cũng đã bày tỏ sự ủng hộ mạnh mẽ Đoàn Viết Hoạt. Cựu tổng thống Valéry Giscard d'Estaing, chủ tịch UDF, cho biết đã ủy nhiệm cựu bộ trưởng Didier Bariani, người đặc trách các vấn đề đối ngoại của UDF, theo dõi vụ án này. Về phía đảng RPR, cựu thủ tướng Jacques Chirac, người được coi là có nhiều triển vọng nhất để trở thành vị tổng thống sắp tới của nước Pháp, cũng ủy nhiệm ông Didier Quentin, cố vấn đặc trách bang giao quốc tế, theo dõi vụ án. Ông Quentin đang cố gắng thu thập tin tức về những diễn biến liên quan đến nhóm Diễn Đàn Tự Do.

Hà Nội đang mơ ước bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ nhưng sự kiện này sẽ khó xảy tới, và viện trợ Mỹ chắc chắn sẽ không bao giờ có nếu họ xét xử nặng nề Đoàn Viết Hoạt. Pháp là quốc gia mà Hà Nội đặt rất nhiều kỳ vọng để thoát ra khỏi thế cô lập. Nhưng chính giới Pháp càng ngày càng nhận ra rằng quyền lợi lâu dài của họ là chiếm được cảm tình của nhân dân Việt Nam bằng cách bên vực trào lưu dân chủ hóa, chứ không phải là khuyến khích một tập đoàn độc tài mà ngày mai không có gì chắc chắn. Đối với Pháp, Hà Nội sẽ khó có thể áp dụng chính sách hung bạo ở bên trong, quy lụy với bên ngoài.

Lần này đảng cộng sản sẽ phải trả một giá rất đắt với vụ án Đoàn Viết Hoạt. Sự kiện ba tháng đã trôi qua từ ngày kết thúc hồ sơ mà vụ án vẫn chưa diễn ra chứng tỏ Hà Nội đang bối rối lộn. Họ sẽ làm gì? Xử án nặng nề Đoàn Viết Hoạt là một sự liều lĩnh tuyệt vọng, một sự thú nhận thất bại. Nhưng ngược lại xuống nước, xử nhẹ hoặc tha bổng Đoàn Viết Hoạt cũng vẫn chỉ là một thú nhận bất lực. Không có giải đáp ôn hòa nào cho vụ án Diễn Đàn Tự Do, bởi vì không thể có giải đáp hay cho một bài toán vô lý. Chỉ có thể có một giải pháp toàn bộ, đó là thực thi hòa giải và hòa hợp dân tộc, hủy bỏ mọi vụ án chính trị, trả tự do cho mọi chính trị phạm và đối thoại thành thực với mọi thành phần dân tộc về một tiến trình dân chủ hóa đất nước. Đó là giải pháp duy nhất có thể đưa đất nước ra khỏi bế tắc. Đó cũng là giải pháp duy nhất có thể tránh cho đảng cộng sản sự tiêu vong trong ô nhục.

Đã có những ánh sáng rõ rệt ở cuối đường hầm. Đoàn Viết Hoạt và nhóm Diễn Đàn Tự Do sẽ đương đầu một cách bình tĩnh và sáng suốt, và sẽ tạo ra biến cố. Phật giáo đã chuyển mình. Công giáo cũng đã chuyển mình. Nhưng đất nước này sẽ chỉ thay đổi nếu mọi người Việt Nam nhất quyết đòi thay đổi và sẵn sàng trả một giá nào đó cho sự thay đổi.

Vụ án "Diễn Đàn Tự Do" một lần nữa đặt cho chúng ta câu hỏi day dứt.

Tại sao đất nước này với vị trí thuận lợi, với tài nguyên không đến nỗi nghèo nàn, và nhất là với một dân tộc đông đảo và cần mẫn lại cứ phải quằn quại mãi trong đói khổ, lạc hậu và áp bức?

Chúng ta có thể tiếc vì đã thiếu tự do, dân chủ, công lý. Nhưng làm sao những giá trị ấy có thể đơm hoa kết trái nếu chúng ta để mặc cho chúng bị dày đạp? Chúng ta than là đã thiếu những người lãnh đạo đủ sáng suốt để nhìn thấy con đường phải đi và đủ bản lĩnh để hướng dẫn cuộc hành trình của đất nước về tương lai. Nhưng làm sao chúng ta có được những con người ấy khi chúng ta khoanh tay thụ động nhìn những người như Hoạt bị bách hại? Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm. Những người quả cảm đang phải trả giá cho sự thụ động của đa số. Kẻ hung ác đã chỉ hung ác bởi vì hắn thấy quá ít người phản đối. Chế độ này có thể đàn áp rất dã man vài chục người hay vài trăm người cứng đầu. Nhưng nếu hàng ngàn người, hàng chục ngàn người cùng đồng dạ đứng lên đòi dân chủ nó sẽ đầu hàng. Phải chấm dứt mọi thái độ nhân nhượng trước tội ác.

Chúng ta có ít nhất hai lý do để nhận lời thách đấu của chế độ bạo ngược này.

Lý do thứ nhất là chế độ này không khỏe mạnh và tự tin như nó muốn làm cho ta tưởng. Nó đã kiệt quệ và chao đảo. Dưới một bộ mặt hung dữ nó đang run sợ. Nếu nhiều người đồng thanh lên tiếng đòi dân chủ nó sẽ nhượng bộ. Nếu đồng bào xuống đường đòi dân chủ nó sẽ đầu hàng chứ không dám đàn áp như ở Thiên An Môn và Bangkok. Tình hình Việt Nam đã chín muồi cho nên cái giá mà chúng ta sẽ phải trả để có dân chủ sẽ không đắt.

Lý do thứ hai nằm ngay trong sự trường tồn của đất nước này. Mọi dân tộc đều cần có lý do để hành diện về đất nước mình. Các thế hệ lớn lên cần có những lý do để tự hào về cha anh. Trước một chế độ đã thất bại trong tất cả mọi địa hạt và trên tất cả mọi phương diện, đã bộc lộ rõ rệt sự tồi đở của mình, đã kiệt quệ và bị cô lập hoàn toàn mà vẫn xác xược như thế này, nếu chúng ta không dám có phản ứng thì chúng ta là hạng người gì? Đó sẽ là một cái nhục lớn. Cái nhục ấy sẽ gây một chấn thương trầm trọng trong xương thịt Việt Nam và sẽ khiến cho trong nhiều thế hệ sau này người Việt Nam khó còn đủ hồn nhiên để gọi tên đất nước mình và nhìn nhau trong mắt.

Thông Luận

Thông Luận đề nghị độc giả và thân hữu viết thư ủng hộ và động viên tinh thần bà Trần Thị Thúc, phu nhân ông Đoàn Viết Hoạt.
Địa chỉ: 18 đường Lê Văn Sĩ, quận Phú Nhuận, Sài Gòn

Một tinh thần mới cho Hiến Chương Liên Hiệp Quốc?

Ngày 6-10-1992, toàn thể 15 thành viên của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đã nhất trí thông qua nghị quyết thứ 780, thành lập một Ủy Ban Quốc Tế Điều Tra về các phạm nhân chiến tranh tại cựu Cộng Hòa Nam Tư.

Ông Jean Bernard Mérimée, đại diện Pháp và cũng là chủ tịch Hội Đồng Bảo An trong tháng mười, cho rằng nghị quyết này nhằm trừng phạt thành lập những định chế tài phán quốc tế để xử các tội phạm chiến tranh. Ông Edward Perkins, đại sứ Liên Hiệp Quốc của Hoa Kỳ, chính phủ đã đưa ra sáng kiến thành lập Ủy Ban Điều Tra, đã tuyên bố rằng Nghị Quyết 780 sẽ có tính chất ngăn ngừa các nước khác trên thế giới có những ý đồ tương tự.

Các nhà luật học La Mã từ cổ chí kim vẫn thường nói: *Nullum delictum sine lege* (Không có tội phạm khi không có luật). *Nulla poena sine lege* (Không có hình phạt khi không có luật).

Thế giới đang ở khoảng trống luật và do đó rơi vào một tình trạng trống vắng tài phán.

Từ ngày đế quốc Liên Xô sụp đổ và Hoa Kỳ không còn vai trò lãnh đạo thế giới tự do, thế giới đã đi sâu vào tình trạng vô trật tự vì thiếu vắng cơ cấu điều hợp và sức điều chỉnh của một thứ luật, dù rằng đó là luật của kẻ mạnh.

Trước đây những tranh chấp giữa hai khối nằm trong giới hạn của mức độ chấp nhận được của đối phương, giới hạn mà nếu vượt qua sẽ chắc chắn gặp phải phản ứng mạnh và có thể đưa đến chiến tranh nguyên tử. Đó là thứ luật được gọi là luật "kinh hoàng nguyên tử", một thứ luật không thành văn, nhưng được hai đối thủ mặc nhiên công nhận. Chiến tranh leo thang ở Việt Nam vì e dè phản ứng của Liên Xô và Trung Quốc. Cuộc khủng hoảng Cuba và Berlin không nổ bùng thành đại chiến thứ ba cũng vì ảnh hưởng của luật này. Các cuộc tranh chấp vùng hoặc giữa các quốc gia không có sự can thiệp trực tiếp của hai đại cường quốc phần đông chịu ảnh hưởng và nằm dưới kỷ luật của trật tự lưỡng cực này.

Sau ngày Liên Xô phá sản, trật tự lưỡng cực mất đi và chỉ còn lại trật tự độc cực, và hiển nhiên thứ trật tự mới này không có những luật chơi cũng như những ràng buộc của trật tự cũ. Luật mới này mang nặng tính chất tính toán hoàn toàn buôn bán? Sự trừng phạt Iraq vì đã vi phạm nặng nề công pháp quốc tế khi xâm chiếm Kuwait không mang tính chất đem lại công lý cho nạn nhân mà thật ra để bảo vệ nguồn tiếp liệu dầu lửa cho các cường quốc kỹ nghệ. Cuộc trừng phạt này lại còn mang tính chất con buôn, hơn nữa khi tổn phí đã được mặc cả cẩn thận giữa các nước này.

Những cuộc tranh chấp không đe dọa đến các nguồn tiếp tế

nhiên liệu tối cần cho kỹ nghệ không được các cường quốc can thiệp bằng võ lực với mức độ thích ứng để thiết lập công lý. Điển hình là cuộc tranh chấp đẫm máu tại Bosnia Hercegovina hiện nay.

Đứng về phương diện công pháp quốc tế, để trọng tài các tranh chấp trên thế giới, Liên Hiệp Quốc đã thành lập ngày 18-4-1946 tòa án quốc tế Den Haag (La Haye). Những điều lệ của tòa án này đã được đề ra trong bản Hiến Chương Liên Hiệp Quốc dựa trên hai nguyên tắc: tòa án thường trực và tài phán cưỡng chế (compulsory jurisdiction). Nguyên tắc thứ hai được thể hiện trong điều khoản chọn lựa (optional clause), theo đó, các quốc gia chấp nhận tính chất cưỡng chế tài phán của Tòa Án Quốc Tế, trong các tranh chấp liên quan đến sự diễn giải các hiệp ước, các luật lệ quốc tế và những bồi thường nếu có. Khoảng 40 nước đã ký kết điều khoản này, nhưng phần đông với một thời hạn và nhiều dè dặt. Chẳng hạn Anh Quốc không chấp nhận quyền tài phán của Tòa Án Quốc Tế trong các tranh chấp nội bộ của Khối Thịnh Vượng Chung; Hoa Kỳ cho rằng các tranh chấp thuộc thẩm quyền tài phán Hoa Kỳ, như Hoa Kỳ định đoạt, không thuộc thẩm quyền của tòa án Den Haag.

Quyền tài phán cưỡng chế dựa trên điều khoản chọn lựa, tự nó là một điều không hợp lý và trái với lương tri. Do đó, những quyết định của tòa án thành vô hiệu. Hậu quả là không còn quốc gia nào đem ra kiện tại tòa án này nữa và do đó không ai nói đến sự hiện diện của nó.

Trên một bình diện khác, cho tới nay quyền trọng tài các tương quan lực lượng giữa các nhà cầm quyền đối với công dân, trong trường hợp các công dân bị nhà cầm quyền chà đạp cũng không có. Tuy rằng đã có Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền làm căn bản và Hội Đồng Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc là cơ quan thừa hành, nhưng tình trạng tôn trọng nhân quyền trên toàn thế giới vẫn không lấy gì làm sáng sủa.

Cái cốt lõi của bế tắc là nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia mà Liên Hiệp Quốc đã long trọng đề ra trong bản Hiến Chương. Các chính quyền bạo ngược luôn luôn lấy nguyên tắc này làm cái khiên chống đỡ và phần đông họ đã thành công.

Giới hữu trách của Liên Hiệp Quốc đã ý thức được điều này và đã có những cố gắng đặt một vài cái móc trong chiều hướng trên. Trước hết đó là quyền can thiệp nội tình vì nhân đạo đã được biểu quyết gần đây tại Liên Hiệp Quốc. Cuộc biểu quyết này đã gây sóng gió và phản ứng chống đối của các nước độc tài Châu Á, Châu Phi mà các hành động vi phạm nhân quyền xảy ra như cơm bữa.

Cái móc thứ hai là quyết định thành lập Ủy Ban Điều Tra các phạm nhân chiến tranh tại cựu Cộng Hòa Nam Tư đã được Hội Đồng Bảo An nhất trí thông qua ngày 6-10-1992.

Đã đến lúc là Le Machin (từ mà cựu tổng thống Pháp, De Gaulle, đã dùng để gọi một cách châm biếm Liên Hiệp Quốc) từ bỏ những nguyên tắc cũng như những cơ chế xơ cứng lỗi thời để có thể đương đầu một cách thực tế và hữu hiệu với tình thế hoàn toàn mới mẽ của trật tự thế giới mới.

Huỳnh Hùng

Mấy ghi chú về lập trường quốc gia dân tộc

Trần Thanh Hiệp

*"Nghĩ dễ, làm khó nhưng khó hơn cả
là làm đúng được như đã nghĩ"*

F. Nietzsche

Ba từ kép "lập trường", "quốc gia", "dân tộc" ghép lại với nhau phải được hiểu như thế nào, điều này tùy thuộc sự kiện hoặc chúng đứng riêng, đứng thành cụm hoặc chúng hợp thành một "thành ngữ". Lập trường là gì? Quốc gia là gì? Dân tộc là gì? Có bao nhiêu cách nhìn, cách hiểu? Trong ba từ, lập trường, quốc gia, dân tộc, từ nào là chính, từ nào là phụ hay cả ba đều là thành tố đã hòa tan trong một thể thống nhất? Nói theo lối nói của toán học, chúng có phải là thông số (paramètres) của hàm số "lập trường quốc gia dân tộc" hay không? Những lời giải đáp cho các câu hỏi này thoạt tiên có vẻ vừa dễ tìm, vừa đơn giản. Nhưng e rằng đó chỉ là những cảm tưởng sai lạc nếu không phải là những thói quen câu thả lâu ngày suy nghĩ đại khái của nhiều người "quốc gia" Việt Nam.

Xác định một lập trường là quyết định lấy lập trường ấy làm tiêu chuẩn nghĩa là một giá trị cơ bản, để quy chiếu vào đó mà sử dụng trong mọi trường hợp, mọi tình huống. Vì vậy, phải bắt đầu từ chỗ bắt đầu, nói cách khác, phải có "một lập trường về lập trường" để đừng sai một ly đi một dặm.

Ghi chú 1: một lập trường về lập trường

Nếu chỉ được hiểu theo nghĩa đen thì danh từ lập trường rất dễ hiểu: lập trường là đất đứng, nơi đứng. Nhưng vấn đề lập trường không phải là câu chuyện từ ngữ, văn chương. Vì nói không thôi, để định lập trường, thì dễ nhưng nếu phải hành động để áp dụng lập trường thì không dễ.

Hãy tạm bắt đầu với cách hiểu rất thông thường, đơn giản và phổ thông của người Việt Nam, nhất là của người Việt ở hải ngoại, về lập trường quốc gia, dân tộc. Đó là sự lựa chọn chỗ đứng đối cực (antipode) với cộng sản. Người "quốc gia" suốt mặt khác người cộng sản, từ hình thức đến nội dung, thậm chí không thể đối trời chung với cộng sản. Vì vậy phải chia đôi Việt Nam thành hai miền Nam, Bắc (không riêng gì Việt Nam, nhiều nước khác cũng chia quốc, cộng) và sự phân chia rất rõ ràng minh bạch, con sông Bến Hải là ranh giới chia đôi sơn hà. Nhưng cuộc chiến tranh quốc cộng kéo dài đã tạo nên tình trạng da beo, xói đậu rồi cài răng lược và Hiệp định Paris 1973 đã mở ngõ miền Nam cho cộng sản cưỡng chiếm miền này. Người quốc gia lại phải đường bộ đường thủy tìm một phương trời khác, ranh giới mới nay là hải ngoại, quốc nội. Nhưng chỉ được ít lâu, tình trạng da beo, xói đậu, cài răng lược ngày trước lại tiếp diễn. Người ở hải ngoại lục tục - trước lên lút sau công khai - kéo nhau về nước, người trong nước đua nhau xuất ngoại. Áp lực quốc tế bao vây cộng sản Việt Nam lại đang được giải tỏa từng phần. Những cấm cản cả từ hai phía

(trong nước cấm xuất ngoại, ngoài nước cấm về nước, cấm liên lạc kinh tế, cấm giao lưu văn hóa) vì vậy mất thời gian tính và trở thành bất lực trước đổi thay của thực tế. Cộng sản vẫn còn giữ được binh lực, chính quyền trong tay vì cơ hội chưa đến để họ bị tràn ngập. Nhưng chính nghĩa dân tộc, chính thống chính trị đã "phát phơ giữa chợ" như "tấm lụa đào" và chờ được chiếm lĩnh nhưng chưa được chiếm lĩnh. Một số người quốc gia, hoặc muốn chúng tỏ mình có lập trường kiên định, hoặc không tìm được đường lối tranh đấu mới, đành chỉ biết ôm chặt lấy danh dù phải xa lìa thực. Lập trường quốc gia dân tộc do đó đã chỉ còn là một khẩu hiệu suông dựa trên những "giả định trước" (présupposés) để mang lại một nước sơn làm nhân hiệu quốc gia dân tộc mà thôi.

Cần cạo bỏ nước sơn ấy, càng sớm càng tốt, để nhận diện được thực chất.

Phải đặt lại cho đúng vấn đề lập trường quốc gia dân tộc. Đặt lại không phải để thay đổi nó mà để trả lại cho nó phạm vi, nội dung đích thực của nó (không chỉ giới hạn vào "chống cộng"). Để xét lại nó trên căn bản một sự hiểu biết đúng đắn về khái niệm lập trường, bằng những phê bình không nhân nhượng mọi ý kiến liên quan đến khái niệm ấy.

Nếu lên "lập trường quốc gia dân tộc" là để nói gì? Nếu bỏ đi những "giả định trước", thì có rất nhiều công thức để tổ hợp ý kiến chứa đựng trong những từ quốc gia, dân tộc.

Nếu coi từ quốc gia là chính, từ dân tộc là phụ thì lập trường quốc gia dân tộc là lập trường của những người quốc gia có thể hiểu theo nhiều nghĩa: a/những người không cộng sản hay b/những người chống cộng sản kịch liệt hay c/những người bài ngoại vì xu hướng "duy quốc gia" (nationalisme, nationalism) hay d/những người chủ trương "duy nhà nước" (étatisme, statism) hay e/những người coi quốc gia, dân tộc chỉ ở nơi quốc kỳ, quốc ca và do đó biểu tượng quốc kỳ, quốc ca là quốc gia, dân tộc bằng xương bằng thịt v.v... Trong những tổ hợp này, dân tộc là thứ yếu và những người quốc gia ấy tự định lấy cách hiểu nghĩa chữ dân tộc. Thí dụ: những người quốc gia không cộng sản, ở hải ngoại, vì phải sinh sống đã bỏ việt tịch, chẳng những đã tự mình hội nhập mà còn hồ hào cổ võ sự hội nhập chung vào các nước tiếp cư nhưng vẫn nhận mình là quốc gia dân tộc hơn cả những người còn giữ việt tịch (quốc gia thì còn tạm hiểu được chữ dân tộc thì hơi lạ tai); những người chống cộng kịch liệt, vì tội ác của Đảng Cộng sản Việt Nam, không còn coi những đảng viên cộng sản và họ hàng những người này là người Việt Nam nữa; những người tuy đã ở nước ngoài lâu năm, không thích hợp với đời sống nước ngoài mà cũng không chịu về nước sống với cộng sản, có người thì chết còn hơn sống (trường hợp Nguyễn Tất Nhiên); những

người cho rằng chỉ có một việc độc nhất là lật đổ nhà nước cộng sản và thay thế nhà nước ấy bằng một nhà nước không cộng sản rồi để cho nhà nước mới này quyết định mọi vấn đề kể cả vấn đề dân tộc; những người coi các biểu tượng quốc kỳ, quốc ca là quốc gia dân tộc trọn vẹn và đầy đủ nên quốc kỳ, quốc ca là những điều kỳ hù, không được bàn tới.

Đừng quá dễ dãi thì sẽ thấy rằng những cách hiểu lập trường quốc gia dân tộc như vậy chưa hẳn là những cách hiểu lý tưởng.

Nếu coi từ dân tộc là chính từ quốc gia là phụ thì lập trường quốc gia dân tộc là lập trường cũng của người quốc gia nhưng lại phải hiểu theo nhiều nghĩa khác nữa: a/dân tộc là chủng tộc độc tôn hay b/ dân tộc, theo sách trời (thiên thu) - có thể thêm sách chúa không? - mọi thứ đều đã định trước (chính thể, người đại diện dân tộc), dân chỉ việc cúi đầu tuân theo mệnh trời, (mệnh chúa: bề trên đã định) hay c/dân tộc là "nhân dân" hay d/dân tộc không nhất nguyên mà đa nguyên, dân tộc nay phải hiểu theo nghĩa một cộng đồng những dân tộc nên quốc gia (nhà nước) không thể là một cơ cấu có quyền lực tập trung cao độ, phải tán quyền, phân quyền tối đa thành hai miền, ba miền, năm miền v.v...miền không đi tới tình trạng nhiều quốc gia (nhà nước) trong một quốc gia. Đặt trọng tâm trên từ dân tộc như thế sẽ đưa tới nhiều chủ trương quốc gia khác nhau. Thí dụ: những người coi dân tộc là độc tôn thì họ phải chống tối đa văn hóa ngoại lai, bảo vệ tối đa văn hóa cổ truyền, chống hội nhập, chống đồng hóa văn hóa; nếu trời đã định rằng nước là của vua nghĩa là dân là con cái của vua thì giải pháp quốc gia chỉ là việc suy tôn một ông vua lên ngôi để thay nhà nước cộng sản; dân tộc là "nhân dân" nên phải có bầu cử tự do để nhân dân chọn những người thay mình cầm quyền; dân tộc đã đa nguyên thì quyền quyết định số phận chung, theo lô gích, thủ tục, kỷ cương đa nguyên, phải thuộc về nhiều "nguyên" trong đó những đảng viên cộng sản cũ cũng là một nguyên v.v...

Những cách hiểu lập trường như trên không phải là không còn chỗ bàn luận.

Nếu không phân biệt chính, phụ giữa hai từ quốc gia, dân tộc và nếu cho rằng cả hai từ này phải hợp thành một cụm từ thì cần nắm vững được các mối tương quan giữa quốc gia và dân tộc, những tương quan liên hệ với nhau một cách rất mật thiết, rất chặt chẽ nghĩa là tới mức độ hữu cơ, biện chứng. Dân tộc Việt Nam, thành hình rất sớm, khác với rất nhiều dân tộc tân lập hiện nay, nhất là ở châu Phi. Như vậy, tương hợp Việt Nam, vai trò của quốc gia (nhà nước) không phải để tạo dựng nên dân tộc mà là để tiếp nối, phát triển dân tộc. Và không có một quốc gia (nhà nước) thích hợp nhất với nó trong quá trình tiếp nối và phát triển đó, dân tộc Việt Nam có thể suy kiệt dần dần để đi tới tiêu vong.

Những công thức tổ hợp vừa kể - chưa kể hết - một phần là những hiện tượng đã quan sát thấy, một phần chỉ là giả thuyết, được nêu lên ở đây không phải để được đánh giá là đúng hay sai (việc đánh giá này thuộc phạm vi nội dung lập trường không thể đem ra xem xét trong khuôn khổ khái niệm về lập trường) nhưng để chứng minh rằng vấn đề lập trường quốc gia dân tộc không phải là một vấn đề thuần hình thức mà là một vấn đề nội dung.

Lập trường là thái độ và vị trí để quan sát, lập trường quốc gia dân tộc là thái độ và vị trí bao quát những vấn đề quốc gia dân tộc rồi từ đó tìm cách xử lý tốt đẹp bằng tư tưởng, bằng hành động. Như vậy, lập trường sẽ là chỗ đứng không phải để đứng nguyên một chỗ mà để đi. Đi cho hết chỗ phải đi, đi vào cái "thực" của quốc gia, của dân tộc. Đi tới những biên giới cuối cùng của quốc gia, của dân tộc, những biên giới vừa ở trong nội tâm vừa ở thể

giới bên ngoài. Những biên giới tưởng là cố định nhưng thật ra rất di động như đã được ghi khắc trong tên gọi của quốc gia, dân tộc: tên gọi Việt dưới dạng chữ Hán vẫn được dùng cho tới ngày nay (có chữ Việt khác, nhưng không được dùng) có nghĩa là "vượt" (trong chữ Việt này có bộ "tẩu" là chạy). Dùng chiết tự để nói lên điều này có vẻ có lối nói bác học, kinh điển rườm rà chứ nghĩa. Kỳ thực đó chỉ là một cách để bác học theo kịp bình dân. Hàng ngày, người cả nước đều dùng và hiểu tự nhiên, dễ dàng nghĩa hai tiếng "vượt biên"! Hơn bốn ngàn năm lịch sử là gì nếu không phải là một chuỗi vượt biên không ngừng theo những cách và những nhịp độ khác nhau? Lịch sử Việt Nam là gì nếu không phải là nhiều cuộc nam tiến - cự Bắc, bình Nam - những mơ ước bắc tiến, tây tiến đời nọ qua đời kia của người Việt? Trong cuộc hành trình ấy, họ đã mang lại nhiều chất "thực" không biết trước, định trước cho "danh" quốc gia, dân tộc. Họ pha trộn dòng máu Việt và với cuộc vượt biển, dù để tị nạn chính trị hay để tị nạn kinh tế, từ sau 1975 đã mở rộng biên cương Việt (tiếng, người, đất Việt nghĩa là quốc gia, dân tộc) ra tới những nơi sơn cùng thủy tận (trừ phi giữa họ không may may còn tình nghĩa đồng bào, điều hiện nay chưa xảy ra).

Một cuộc hành trình khác, không kém gian lao, cuộc hành trình đi vào lòng dân tộc (với những kẻ dẫn đường nổi tiếng như Đinh Tiên Hoàng, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh v.v... hay vô danh như dân tản cư, dân di cư, dân hời cư v.v... Xã hội miền Nam Việt Nam từ sau 1954 là những gì mà cuộc hành trình này tạo nên và còn để lại làm vốn chung cho dân tộc) cũng đóng góp không ít cho việc sung thực nội dung cho "danh". Một chặng đường mới của cuộc hành trình ấy đang cần phải đi nhưng chưa được đi vì người Việt Nam chưa tìm được cách đi đúng, được sự đồng thuận chung. Hàng triệu đảng viên cộng sản với một chủ nghĩa phi dân tộc, với một quá khứ đầy chia rẽ dân tộc, với sự thao túng của một thiểu số lãnh đạo bảo thủ, ngoan cố phản dân tộc có còn là một vấn đề dân tộc nữa không, nhất là dù muốn hay không muốn, đó cũng là một bộ phận xương thịt của cơ thể xã hội Việt Nam và chính là đầu mối của cuộc khủng hoảng hiện nay của dân tộc? Nếu là không - không tới mức độ nào? - thì phải giải quyết nó như một tai họa ngoại lai, ngoại xâm. Nếu là có - có tới mức độ nào? - thì lại càng phải giải quyết nó theo lý, theo tình nghĩa dân tộc. Lấn tránh việc giải quyết nó dưới hình thức này hay hình thức khác, dưới lý do này hay lý do khác, không phải là hành động cho dân tộc, vì dân tộc.

Lập trường quốc gia dân tộc - nếu không phải là một khẩu hiệu suông - chỉ có giá trị đích thực lúc này, và tất nhiên do đó sẽ có giá trị lịch sử, nếu nó mang trong nó cách giải quyết vấn đề rất cơ bản, rất thực tế, rất cụ thể lúc này đang đặt ra sừng sững trước mắt người Việt Nam - vấn đề cộng sản - giải quyết bằng bạo lực, súng đạn hay bằng tình nghĩa, hòa giải, hòa hợp, phải lựa chọn dứt khoát và nhất là phải thực sự thanh toán được vấn đề bằng hành động. Không được vậy thì có lập trường cũng không khác gì, không hơn gì không có lập trường. Vì rút lại cái gọi là lập trường ấy chỉ là không đảm, đôi khi còn kèm theo khẩu chiến cùng với bạo hành (tinh thần, thể xác), là bộ mặt sơn phấn của bất lực, ngụy trang để chạy trốn về đằng trước. Đưa ra lập trường thì đồng thời cũng phải cung cấp những chỉ dấu, chỉ dẫn để mọi người không bị lạc lối trong những "giả định trước", biết phải quy chiếu vào hệ thống tư tưởng nào, chủ trương nào. Thói tục làm chính trị của người Việt Nam vẫn còn xấu vì chưa đổi mới, mới trường chính trị ở hải ngoại đừng tăng thêm mức độ ô nhiễm nữa.

Ghi chú 2: quốc gia, dân tộc qua "danh"

Theo các nhà khảo cứu khoa học xã hội thì "quốc gia", "dân tộc" là những từ ngữ rất khó định nghĩa. Và dù có định nghĩa được cũng vẫn còn những nghi nghĩa (nghi nghĩa trong việc sử dụng), mờ tối (mờ tối trong cách định nghĩa) khiến cho lý thuyết không ăn khớp với thực tế (các thành tố của quốc gia, dân tộc mà lý thuyết liệt kê như *lãnh thổ, huyết thống, ngôn ngữ, tôn giáo, văn hoá v.v...* trong thực tế không nhất thiết phải có đủ như trường hợp nhiều dân tộc hiện nay cho thấy; nhân loại đang bước qua ngưỡng cửa kỷ nguyên toàn cầu, vậy mà nhiều cơ cấu siêu quốc gia nối tiếp nhau vỡ tung hay nứt rạn vì các dân tộc đua nhau thức tỉnh, hình thành; khối quốc tế vô sản tuy đã có hơn 70 tuổi đời vẫn sụp đổ vì sự trỗi dậy của các dân tộc). Nhà chính trị học Gil Delannoi nói "dân tộc" vừa như văn xuôi của ông Jourdain (nhân vật của Molière làm được văn xuôi mà không biết rằng đó là văn xuôi) vừa như những Kim tự tháp Ai Cập đầy bí ẩn. Waldron Arthur N. nhận khảo sát các lý thuyết về chủ nghĩa quốc gia đã nhận định rằng không có một lý thuyết nào về chủ nghĩa quốc gia đặc biệt gặp được sự hưởng ứng rộng rãi và khi các tác giả phải dùng tới từ ngữ này thì họ tránh không định nghĩa nó. Do đó, nhiều nhà quốc gia học, dân tộc học của cả Tây lẫn Đông như Connor, Mac Kay & Lewis, Haas, Ma Shu Yun v.v... từ những năm 70 và 80 đã cố vô việc minh xác nội dung các thuật ngữ về quốc gia, dân tộc.

Những điều này nhắc nhở chúng ta rằng quán triệt được các vấn đề quốc gia dân tộc không phải là điều dễ làm. Về điểm này, không ít người Việt Nam rất dễ dãi trong việc họ bàn luận về những đề tài ấy. Dễ dãi bởi vì họ đã dựa trên rất nhiều "giả định trước" để suy nghĩ, lý luận và nhân danh, trước khi tìm hiểu đến nơi đến chốn vấn đề. Việc làm khẩn cấp là duyệt xét kỹ lại những "giả định trước" ấy, xem chúng bắt nguồn từ đâu và mang những nội dung gì, còn giá trị ở vào thời điểm duyệt xét hay không. Tất nhiên đó sẽ là một việc khó làm. Nhưng phải làm để nghiêm túc.

Nói chung, những khó khăn phải vượt qua để quán triệt các vấn đề quốc gia dân tộc có đủ loại. Tạm kể ra một số khó khăn chính: khó khăn về phương pháp nghiên cứu, về công cụ nghiên cứu, về tài liệu nghiên cứu, về phương tiện nghiên cứu, về đối tượng nghiên cứu, về tổ chức nghiên cứu. Khó khăn do những hạn chế của thời đại. Khó khăn bắt nguồn ngay từ tính thần nghiên cứu. Khó khăn vì dụng đích nghiên cứu. Nhưng khó khăn lớn nhất có lẽ là khó khăn phát khởi từ bản thân của chính các danh từ quốc gia, dân tộc vì chúng vốn hàm chứa nhiều điều có tính hai mặt, hai chiều (ambivalences) tuy mâu thuẫn nhưng lại hợp nhất (vừa thực thể vừa hư thể, vừa hữu cơ vừa nhân tạo, vừa cá thể vừa tập thể, vừa phổ quát vừa đặc thù, vừa phân quyền vừa tập quyền, vừa đa nguyên vừa nhất nguyên, vừa độc lập vừa liên lập v.v...) và đó chính là đầu mối của các dị biệt. Cách khắc phục những khó khăn này đã đưa tới nhiều trình độ nghiên cứu và hiểu biết khác nhau.

Về phần Việt Nam, những khó khăn chung vừa kể đương nhiên còn gay gắt hơn nhiều vì những công trình trước tác của chính người Việt Nam về quốc gia dân tộc quá hiếm. Ngoài ra lại còn những khó khăn riêng của việc nhận diện và khám phá những điểm đặc thù của trường hợp Việt Nam.

Cuộc kháng chiến vô trang chống Pháp - thật ra là chống văn hóa phương Tây - ở thế kỷ trước đi đôi với cuộc vận động duy tân kéo dài tới đầu thế kỷ này và hiện còn đang tiếp diễn là một sự chối bỏ - không thủ nhận - dân tộc quan huyền bí. Gần một trăm

năm Pháp thuộc - trong cái rủi có cái may - dân tộc Việt Nam đã tự tạo được một đà canh tân để chuyển mình từ xã hội nông nghiệp bắt đầu bước vào xã hội kỹ nghệ. Sự kết thúc bất ngờ của thời nô lệ này là sự ra đời của chính phủ Trần Trọng Kim như một sự nhú lên của một "quốc gia" mới, lần đầu tiên thực hiện được sự gặp gỡ trực tiếp giữa dân tộc và quốc gia (nhà nước) không bắt buộc phải thông qua trung gian cổ truyền là "vua". Tiếc thay nút biến chuyển vi diệu ấy đã không mở ra được một chân trời mới, một đà phát triển mạnh mẽ nên chẳng bao lâu sau, ba mươi năm tranh chấp vô trang giữa người Việt, bằng tư tưởng ngoại quốc, phương tiện ngoại quốc, đã tạo nên tình trạng một dân tộc hai quốc gia (nhà nước) và do đó, hai dân tộc quan đối nghịch nhau về nội dung: một dân tộc quan cộng sản nghĩa là quốc tế, giai cấp, phi dân tộc (dưới đây sẽ chứng minh vì sao lại phi dân tộc) và một dân tộc quan "duy quốc gia" (tạm dịch chữ nationaliste cho khác với chữ quốc gia, national). Sự sụp đổ năm 1975 của quốc gia ở miền Nam đã đưa lại sự toàn thắng nhất thời trong hơn mười năm của dân tộc quan và quốc gia (nhà nước) cộng sản nhưng sự phá sản của dân tộc quan cộng sản, sự sụp đổ đã bắt đầu và sẽ không tránh khỏi của quốc gia (nhà nước) này vẫn chưa đưa lại sự chiến thắng của dân tộc quan và quốc gia (nhà nước) "duy quốc gia".

Danh "nước" để chỉ thực "đất nước" với sức gợi hình, gợi nhớ mãnh liệt (*người trong một nước phải thương nhau cùng; nước non nặng một lời thề, nước đi đi mãi không về cùng non*) không biết đã được chuyển sang thành chữ "bang", chữ "quốc" từ thừa nào, với những khác biệt nào (*từ thời nhà Lý đầu thế kỷ thứ 11, đã thấy dùng bang và quốc: trong Chiếu dời đô năm 1010 vua Lý Thái Tổ gọi nước ngày xưa của nhà Thương, nhà Chu là quốc, gọi nước của mình là bang, Việt bang*). Và chính chữ quốc cũng đã trải qua nhiều biến thiên. Thế hợp của bộ "vi" và chữ "qua", chữ quốc gợi hình ảnh có người, có đất, có binh lực ở trong một khu vực có giới hạn (bộ "vi" là một phù hiệu chỉ một khu vực có giới hạn nhất định; chữ "hoặc" là một chữ hợp thể: khẩu là miệng người, nhất biểu tượng trời, đất, qua tức binh khí). Du mục không ở một nơi cố định nào nên không có nước (quốc) mà chỉ có bộ lạc. Thời phong kiến, các chư hầu xưng là "quốc" các đại phu xưng là "gia". Mặt khác, khởi thủy, "quốc" được coi là đất sở hữu của Vua nên ở trong cái khung là bộ "vi", người ta thay chữ "hoặc" bằng chữ "vương". Sau cách mạng dân chủ Tân Hợi, do ảnh hưởng Tam dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên, có một lúc người ta thay chữ "vương" bằng chữ "dân". Cộng sản Tàu tuy chủ trương giản tự đã đành nhưng lại thêm một dấu chấm vào chữ "vương" để đổi thành chữ "ngọc", vì muốn xóa sạch mọi vết tích vua. Ngoài ra, không phải ai muốn tự xưng là "quốc" cũng được. Dĩ nhiên ai muốn tự xưng thì cứ xưng nhưng không để gì được nhìn nhận như vậy. Năm bính thìn (1076) bài thơ của Lý Thường Kiệt đọc trên sông Như Nguyệt nói "Nam quốc" nhưng cho mãi tới năm giáp thân (1164) lần đầu tiên người Tàu mới chịu công nhận Việt Nam là một "quốc" (An Nam quốc) thay vì chỉ là một "quận" (Giao chỉ quận) hay một "phủ" (An Nam đô hộ phủ). Trong các văn thư trao đổi sau đó giữa vua Việt và vua Tàu, vua Việt dùng "tiểu quốc" để chỉ nước mình và "thượng quốc" để chỉ nước Tàu. Khi anh em Tây Sơn ra Bắc hội kiến với vua Lê, Nguyễn Nhạc gọi đất của vua Lê là "quý quốc". Như vậy là chữ "quốc" đứng riêng được dùng rất sớm ở Việt Nam. Về sau nó mới được kết hợp với chữ "gia" để trở thành danh từ kép "quốc gia", chứa đựng một khái niệm phức tạp hơn, gồm đủ các thành tố về người và vật như "thiên hạ, giang sơn, xã tắc, dân, bách tính v. v..."

Còn về "dân tộc" thì có lẽ thực đã ra đời trước danh. Rất sớm, người Việt Nam từ xưa, trước mắt những người khác mình, đã ý thức được mình là một đoàn người có nguồn gốc chung, có đời sống chung, muốn sống chung với nhau và tự xưng bằng tên gọi Việt (Đại cổ việt, Đại Việt). Ý thức đó cụ thể và hầu như tự nhiên lúc ban đầu, đã lần lần được quảng diễn thành hệ thống tư tưởng mà chúng ta có thể tìm thấy, qua một dạng thức rất cổ đọng, trong đoạn dưới đây của bản Bình Ngô đại cáo (phải ghi lại cả phần chữ hán thì mới tiếp thu được đầy đủ tư tưởng của Nguyễn Trãi):

"...Duy ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang. Sơn xuyên chi phong vực ký thù, Nam Bắc chi phong tục diệc dị. Tự Triệu Đinh Lý Trần chi triệu tạo ngã quốc, dĩ Hán Đường Tống Nguyên nhi các đế nhất phương. Tuy cường nhược thời hữu bất đồng, nhi hào kiệt thế vị thường pháp" (phản dịch của Phan Kế Bính: "...Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn hiến đã lâu. Sơn hà cương vực đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần gây nền độc lập, cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương. Dầu cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có".

Đoạn này là là di chúc tinh thần tiền nhân để lại cho hậu thế, là tư tưởng chủ đạo - mỗi chữ trong đó, trừ những trợ từ, liên từ đều là nền tảng - của mọi lý thuyết Việt Nam chẳng những về dân tộc mà còn cả về quốc gia. Hơn 5 thế kỷ đã trôi qua, tư tưởng này được áp dụng, khai triển như thế nào, kẻ hậu sinh đã đi sát hay đã rời xa tư tưởng của tiền nhân? Tư tưởng "quốc gia" đã thực sự đột xuất ở Việt Nam trong những điều kiện lịch sử, xã hội như thế nào? Đó là những câu hỏi cần nêu lên và giải đáp.

Đầu thế kỷ thứ 19, Nguyễn Du trong Truyện Kiều đã dùng chữ "quốc gia" (nghĩ mình phương diện quốc gia, quan trên nhắm xuống người ta trông vào), không biết trước ông, sau ông còn những ai khác nữa đã dùng. Từ những năm 40 cho tới nay chữ "quốc gia" lại được dùng đi dùng lại nhưng không có gì bảo đảm là đã được dùng với một nội dung độc nhất.

Để xác định lập trường quốc gia dân tộc một số người tuy cao thanh đại ngữ nhưng hình như đang vung vẩy, nếu không hẳn là dấy dựa, trên những mắt lưới của cái lưới từ ngữ. Qua họ, danh và thực vẫn chưa tiếp cận nhau. Dân tộc, quốc gia Việt Nam những năm 90 không giống những năm 40, khoan nói tới những thời trước nữa. Trong cơn lốc của phe hưng lịch sử, cái thực quốc gia, dân tộc đã kinh qua biết bao biến hóa (avatars) dưới biết bao hóa thân, đã ném trái biết bao truân chuyên trong lúc đánh vẫn không mấy may thay đổi. Phải dò xét lại nội dung của danh, đào bới trong tâm tư như người khảo cổ thực hiện những khai quật để so đo với sự kiện hầu bắt kịp bước tiến hóa của thực. Và chỉ khi nào tác động được trên cái thực nghĩa là không còn bám trụ vào danh để thực tế đi vào được vận hành của xã hội thì mới mong thay đổi được cái thực, nghĩa là xã hội. Cái thực ấy bỏ chữ ra mà tìm cũng không thấy đủ được.

Ghi chú 3: quốc gia dân tộc giữa "danh" và "thực"

Con người phải vận dụng tư tưởng để tái lập và chụp bắt thực tại đã bị ngôn ngữ cắt xén. Và khi hành động dưới ánh sáng của tư tưởng, con người trực tiếp ảnh hưởng tới "thực" để gián tiếp ảnh hưởng tới "danh". Xem xét vấn đề lập trường là phải đặt vấn đề này trong vòng liên hệ không cùng đó.

Có một luồng dư luận, chịu ảnh hưởng của sử gia A. Toynbee, cho rằng chủ nghĩa quốc gia, dân tộc là sản phẩm của phương Tây và là một món quà tâm thuốc độc tặng cho người phương Đông.

Nghĩ như vậy vừa sai vừa đúng. Sai, bởi vì không phải phương Tây chỉ vẽ cho phương Đông biết sống thành dân tộc, quốc gia, biết yêu nước. A. Toynbee có cái nhìn vi mô, nhờ bước lùi nghiên cứu đi ngược thời gian tới hàng triệu năm, bao quát cả loài người. Cái nhìn của người Việt, cục bộ hơn vì chỉ giới hạn vào Việt Nam nên trong tâm vi mô và do đó sát với Việt Nam hơn cái nhìn của A. Toynbee: Việt Nam có ý thức dân tộc và đã biết tổ chức quốc gia trước khi tiếp xúc với nguồn tư tưởng phương Tây. Đúng, bởi vì ý thức dân tộc và kỹ thuật tổ chức quốc gia của người Việt chịu rất nặng ảnh hưởng của chủ nghĩa quốc gia phương Tây: tranh chấp quốc cộng, cách mạng vô sản, cách mạng dân chủ, định chế cộng hòa v.v... và suốt gần nửa thế kỷ đã giờ sống giờ chết trong mô tư tưởng vay mượn đó.

Tình hình đã tạo ra và đưa tới nhu cầu phải đánh giá lại tư tưởng vay mượn này. Đánh giá một cách quyết liệt và suốt mặt, điều dở thì bỏ, điều hay giữ lại để khai triển và cập nhật hoá. Công việc này không đơn giản, phân định được hay, dở của người cũng như của ta là điều đã gây bất đồng ý kiến. Nhưng mọi người đều nên làm dù làm theo chủ quan riêng. Một cuộc đối chiếu quan điểm chung trong tinh thần đối thoại sẽ giúp phân định sai, đúng, trái, phải.

Trong sự chờ đợi cuộc tổng kiểm kê ấy, có thể nêu ngay tức khắc - mà không cần phải tranh luận - hai điều dở của tư tưởng vay mượn phương Tây về quốc gia dân tộc.

Điều dở thứ nhất. Đầu thế kỷ này, một người thanh niên Việt Nam - Nguyễn Ái Quốc - tìm được cơ hội tiếp xúc với tư tưởng phương Tây nhưng, mang trong mình những hạn chế không tránh khỏi của thời đại, đã khẳng định một cách liều lĩnh và độc đoán rằng chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được dân tộc.

Sự sai lầm tuy của riêng một người nhưng khi đã tác động sâu rộng vào một đảng có quân chúng lớn như đảng cộng sản Việt Nam, được thần thánh hóa - nhất là được áp đặt bằng gián điệp, bạo lực - đã mang lại chẳng những sai lầm mà còn tai họa cho cả một dân tộc.

Chủ nghĩa cộng sản là một sản phẩm của phương Tây và trong thực chất nó là một chủ nghĩa "phi dân tộc". Marx và Engels mà những người cộng sản phải kính trọng như những vị sư tổ không có một công trình lý thuyết nào về dân tộc. Trái lại qua những gì họ đã nói về dân tộc trong bản Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, mà họ là đồng tác giả, ngoài những điều quá rõ như "người vô sản không có tổ quốc" (nếu có thì chỉ có tổ quốc xã hội chủ nghĩa mà thôi), hai người này không đụng tới vấn đề bản thể dân tộc, chỉ chú trọng vạch ra những tác động của "giai cấp tư sản" trong việc biến đổi dân tộc bằng việc tạo ra "những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc" khiến cho "tính chất chặt hẹp và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa..." và giai cấp này đã "lôi cuốn đến cả những dân tộc đã man rợ nhất vào trào lưu văn minh" và tập hợp nhiều địa phương độc lập với nhau thành "một dân tộc thống nhất, có một chính phủ thống nhất, một lợi ích dân tộc thống nhất có tính chất giai cấp và một thuế quan thống nhất". Mỗi quan tâm chính của Marx và Engels như tài liệu lịch sử vũ kể đã chứng minh không phải là dân tộc mà là việc lật đổ giai cấp tư sản để giai cấp vô sản lên cầm quyền, đi tới xã hội cộng sản trong đó không còn nhà nước, không còn dân tộc.

Người đã làm cho Nguyễn Ái Quốc đặc biệt xúc động là Lenin. Ai cũng biết rằng Lenin là một người thầy cái hùng hồn cho "quyền dân tộc tự quyết", là người chiếu cố, bằng lời nói rõ rệt và say sưa, tới những dân tộc bị giai cấp tư sản áp bức, bóc lột.

Nhưng Lenin, tuy nói nhiều về dân tộc sự thực cũng chỉ vì nhu cầu chiến thuật cách mạng vô sản, làm sao tranh thủ được những dân tộc này cho cách mạng vô sản hay đúng hơn, cho trật tự thế giới mới trong đó Nga Xô có vai trò hàng đầu. Với Lenin, vấn đề đích thực được đặt ra không phải "dân tộc là gì?" mà là "phải dùng các dân tộc để làm gì cho cách mạng vô sản?" (Nguyễn Ái Quốc hoặc không hiểu được điều đó, hoặc hiểu mà vẫn mập mờ đánh lộn con đen để làm tròn nghĩa vụ của một cán bộ Đông phương cục).

Người cộng sản có những quan điểm rành mạch nhất về dân tộc là Stalin năm 1913 được Lenin trao cho công tác nghiên cứu vấn đề và đã hoàn thành công trình nghiên cứu ấy bằng một tài liệu mang tên "Chủ nghĩa mác xít và vấn đề dân tộc". Stalin không tránh né vấn đề bản thể của dân tộc và đã định nghĩa dân tộc là một cộng đồng người sống ổn định, được hình thành bằng quá trình lịch sử xuất phát từ một tiếng nói chung, một lãnh thổ chung, những hoạt động kinh tế chung, một tâm lý thể hiện qua một nền văn hóa chung. Và Stalin không quên nhấn mạnh rằng một trong bốn đặc tính ấy nếu đứng riêng rẽ không đủ để xác định sự hiện hữu của dân tộc. Phải hội đủ cùng một lúc bốn đặc tính này mới được kể là một dân tộc và sự chỉ thiếu một đặc tính thôi cũng không còn là dân tộc nữa. Ý kiến của Stalin không được sự cổ vũ của Lenin nhưng Stalin khi nắm được quyền, vẫn giữ nguyên để có cơ sở vận dụng đàn áp các nhân xã trong khối các dân tộc họp thành Liên Xô, từng bước nhào nặn các nhân xã ấy vào khuôn một liên bang giai cấp phi dân tộc. Đối nội thì như vậy, còn đối ngoại các dân tộc "anh em" chỉ là chư hầu của Liên Xô với chủ quyền hạn chế.

Mao Trạch Đông, khuôn mặt cộng sản đầu đàn của phương Đông đã có một đóng góp đáng kể bổ túc cho quan điểm cộng sản về dân tộc. Họ Mao đã đẩy lùi vào bóng tối khái niệm dân tộc, chỉ đưa ra ánh sáng khái niệm nhân dân với độc quyền giải thích thành phần của nhân dân, tùy theo tình thế, tùy theo nhu cầu liên minh giai cấp.

Cộng sản Việt Nam đã pha trộn hai nguồn tư tưởng Nga, Hoa về dân tộc, (họ gọi đó là áp dụng một cách sáng tạo) nhập nhằng khi nói dân tộc, khi nói nhân dân để rút cục, bằng những thủ đoạn gian dối đi đôi với khủng bố đưa một tuyệt đại thiểu số "trở thành dân tộc", đẩy tuyệt đại đa số còn lại xuống hàng nô lệ nhưng có nhân hiệu "chủ tập thể".

Tóm lại, trong chủ nghĩa cộng sản không có chỗ đứng đáng kể cho dân tộc.

Theo quan điểm mác-xít, dân tộc không phải là một thực thể đứng trên giai cấp mà là một hư thể. Trong hệ biến hóa (paradigme) của tư tưởng mác xít, dân tộc bởi là phó sản của một phương thức sản xuất nhất định nên chỉ là một chặng đường, một bước quá độ dẫn tới sự tiêu diệt của chính nó. Do đó, chủ nghĩa cộng sản đích thực là một chủ nghĩa phi dân tộc.

Những người cộng sản Việt Nam đứng đi sâu thêm nữa vào sự sai lầm nguyên thủy của Nguyễn Ái Quốc. Họ phải dứt khoát lựa chọn giữa dân tộc và chủ nghĩa cộng sản. Những người nào chọn dân tộc thì nhất định phải từ bỏ chủ nghĩa cộng sản vì tính chất phi dân tộc của chủ nghĩa này. Người nào muốn tiếp tục kiên định làm người cộng sản thì phải tự coi mình có chủ trương phi dân tộc và đừng quên rằng trước mắt nhân dân, mình là người phi dân tộc.

Điều dở thứ hai liên quan tới dân tộc quan của những người thuộc phe quốc gia. Với những người này, quốc gia - hiểu theo nghĩa phương Tây thiên về "nhà nước" - đã lấn át dân tộc. Như

vậy, dân tộc chỉ thu gọn vào những người, những thế lực cầm quyền (hoàng đế, quốc trưởng, tổng thống, quân đội). Ngoài ra, vì nhiệm vụ trọng yếu của nhà nước này là chống lại cộng sản nên chống cộng cũng lấn át dân tộc như quốc gia đã lấn át dân tộc (hiến pháp miền Nam chỉ nói quốc gia mà không nói dân tộc).

Đã đến lúc chấm dứt thảm trạng của đất nước hiện nay, sự nổi dài của tranh chấp quốc-cộng thời chiến tranh lạnh.

Muốn vậy, nên nhìn dân tộc với những cặp mắt mới, với những cách nhìn mới. Tinh thần và những phát kiến khoa học của phương Tây đã phải bổ sung cho khái niệm huyền bí về dân tộc của người Việt Nam. Dưới ánh sáng của dân tộc quan mới, dân tộc vừa là một thực thể có sẵn (domné) vừa là một công trình tự tạo (artefact) hình thành và biến thiên theo một lô gích qui định bởi dây nhân duyên 5 khâu: sống, còn, nổi, tiến, hóa mà khâu quan trọng nhất là khâu "nổi". Người Việt Nam trải qua hơn bốn ngàn năm lịch sử đã tỏ ra có bản lĩnh để "sống, còn", đối nội biết sống thành quốc gia, đối ngoại chống được ngoại xâm cho nên đã trở thành một dân tộc đã tự xác lập (auto-affirmée) có bản sắc đặc thù (chim Việt đậu cành Nam). Nhưng vì không mấy xuất sắc ở khâu "nổi" nên đã phải vay mượn của người ngoài để "tiến, hóa". Vậy vấn đề dân tộc khẩn thiết đặt ra trong lúc này là vấn đề "nổi" nghĩa là phải mang được dân tộc đi từ một xã hội nông nghiệp tiến sang một xã hội kỹ nghệ, bằng không dân tộc sẽ có thể bị tiêu trầm. Nhưng xã hội kỹ nghệ này không phải là thứ xã hội kỹ nghệ kiểu cộng sản; "điện khí cộng với những Xô viết", với những lò cao nhà khói đầy ô nhiễm, một nhà nước chuyên chính toàn trị bắt cả một dân tộc nghèo đói, lạc hậu làm nô lệ, mà là một xã hội đã đổi mới, cao rộng hơn xã hội nông nghiệp, tự do hơn, thống nhất hơn, tân tiến hơn về mặt chính trị, nhân quyền, dân quyền, về mặt kinh tế, sản xuất, quản trị, về mặt văn hóa, truyền thông, giáo dục, v.v... tuy thích ứng được với hoàn cảnh mới mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc cố hữu của mình.

Nếu những người cộng sản cứ quyết áp đặt tự tưởng và định chế phi dân tộc, những người quốc gia cứ phải sống đời sống không quốc gia ở ngoài nước thì tương lai dân tộc đi về đâu? Dân tộc Việt Nam đang bị đặt trước một thử thách lớn lao hơn cả một cuộc xâm lăng không nguy hiểm bằng sự sa đọa tự trong bản thể dân tộc, một bệnh ung thư không thuốc chữa trị. Phải làm sao cho những người phi dân tộc trả lại quốc gia cho dân tộc vì quốc gia chính là dạng thức pháp lý của dân tộc chớ không phải là cơ quan quyền lực của những phần tử phi dân tộc.

Câu trả lời đương nhiên không thể tìm thấy ở hình thức ngôn ngữ của lập trường "quốc gia dân tộc" mà phải ở trong nội dung của nó. Tuy vậy, có lập trường có nội dung đúng cũng chưa đủ. Còn phải có - như Nguyễn Trãi đã khẳng định - những bậc hào kiệt. Ai là những bậc hào kiệt đứng ra phục hưng dân tộc trước nạn nước này? Câu trả lời này không nằm trong lập trường - hào kiệt vạch ra lập trường và thể hiện lập trường - mà cũng không nằm trong những ghi chú trên đây, những trang rời của cuốn sổ tay tùy thân mở ngỏ của một người nghiên cứu mà bước chân dò theo tiếng gọi xa thẳm của sử hồn:

*"những lối cũ người xưa đã khai thác
trong võ vờ tó rờ đâu muôn năm
đường quay về gió đấy tự xa xăm
thổi dồn dập máu sống còn vạn thắng..."*

(thơ Lý Đông A)

Trần Thanh Hiệp

Dân chủ? Đảng vẫn là ông chủ!

Bùi Tín

Đã có một hiến pháp mới và một quốc hội mới. Một chính phủ "mới" được lập nên qua cuộc họp quốc hội mới đầu tiên trong tháng 10-1992.

Tổng bí thư Đỗ Mười đồng ý tuyên bố: "*Cuộc bầu quốc hội vừa qua là dân chủ nhất, dân chủ chưa từng có ở Việt Nam*". Ông tổng bí thư có thật tin ở điều mình nói?

Một "ủy ban pháp luật" độc đáo!

Cuộc họp quốc hội vừa qua đã bầu đủ mọi chức vụ nhà nước. Bảy ủy ban chuyên môn của quốc hội cũng đã được bầu, trước hết là *ủy ban pháp luật* gồm 23 người, được coi là ủy ban quan trọng nhất. Xin mời các bạn xem danh sách 23 vị đó, cùng với chức vụ chính quyền của họ đăng trên báo Nhân Dân ở Hà Nội (*). Không cần phải là những luật gia, những nhà hành chính quốc gia, người hoạt động chính trị, ai có ít nhiều hiểu biết về nền dân chủ cũng có thể thấy đây là một sự *điều cợt đến nhạo báng* đối với nền dân chủ. Các ông nghị này chuyên có trách nhiệm kiểm soát công việc thi hành luật của chính phủ và các cơ quan nhà nước, thì... chính mình lại là viên chức trong biên chế của nhà nước! Vị chủ nhiệm ủy ban là Phó viện trưởng Viện Kiểm Sát Nhân Dân tối cao, hai vị phó chủ nhiệm thì một là thứ trưởng Bộ Tư Pháp, một là chủ tịch Hội Đồng Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh! Các vị ủy viên thì đều là: chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, chánh án, phó chánh án hoặc giám đốc sở tư pháp các tỉnh... Có vị còn là giám đốc sở công an tỉnh hoặc viện trưởng Viện Kiểm Sát Nhân Dân thủ đô Hà Nội!

Không có một vị nào làm công tác chuyên trách của quốc hội, cũng không một ai là luật sư, có am hiểu chuyên môn đầy đủ về luật pháp cả!

Đó! Họ nói toàn những điều hay ho, cao xa cả! Nào là quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất, có trách nhiệm và quyền hạn giám sát các cơ quan nhà nước, các cơ quan hành pháp và tư pháp trong cả nước; nào là từ nay quốc hội sẽ coi trọng đặc biệt việc xây dựng pháp luật và giữ nghiêm luật pháp... Qua chức vụ kiêm nhiệm như trên, các vị trong "ủy ban pháp luật" của quốc hội trên thực tế là đều vừa cầm còi vừa đá bóng! Các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp không phải chỉ đâm đập lên nhau mà còn *đồng nhất với nhau!*

Đây là một tình hình không hề có và không thể có ở bất kỳ một quốc hội của một nước nào khác! Hậu quả ắt phải là các cơ quan hành pháp và tư pháp, các ủy ban nhân dân, các tòa án, các cơ quan công an cứ việc mặc sức vi phạm pháp luật, bắt bớ xét xử bất công và oan ức, bênh kẻ gian, trị người ngay... đã có người trong ủy ban pháp luật của quốc hội làm tay trong thông cảm, làm

lợi hoặc bênh vực, thậm chí khuyến khích rồi! Với tình hình này, đất nước sẽ còn hỗn loạn thêm, tình trạng không có đủ luật và có luật cũng như không có luật vì không ai thi hành, sẽ còn mở rộng hơn. Tề chuyên quyền, quan liêu, độc đoán sẽ mặc sức lộng hành, đè nặng lên cuộc sống của những công dân lương thiện và ngay thật.

Nguyên nhân của tình hình trên đây chỉ là vì những người cầm quyền cao nhất hiện nay tuy nói về dân chủ nhưng trong đầu óc họ đã ăn sâu quan niệm: đảng làm chủ, đảng quyết định tất cả. Và quốc hội vẫn chỉ là công cụ của đảng, là một thứ trang sức che đậy sự độc đoán, và các đại biểu quốc hội vẫn chỉ là những ông nghị gặt. Họ chỉ được nói những điều cho phép, vì chính họ đã được đảng tuyển lựa cẩn thận. Quốc hội khóa trước, còn có luật sư Ngô Bá Thành - không có chức vụ nào khác trong bộ máy chính quyền - được cử làm chủ nhiệm ủy ban pháp luật (dù cho bà ta nhiều lúc còn bảo hoàng hơn vua, như trong khi thảo luận về luật báo chí; và cũng như khi bà thủ nhận một cách cay đắng "đã cút cung phục vụ chủ nghĩa xã hội" (1)); đến nay thứ trang sức phù phiếm ấy cũng đã bị cắt bỏ!

Từ hy vọng đến thất vọng và... tuyệt vọng

Năm ngoái, việc dự thảo Hiến pháp mới (sửa đi sửa lại đến hàng chục lần) có gợi lên được một số hy vọng mong manh trong hàng ngũ trí thức và tuổi trẻ. Thế nhưng việc thông qua hiến pháp đã làm cho nhiều người chán nản. Sự đổi mới chẳng được mấy, vì về cơ bản vẫn như cũ, còn tệ hơn. Qua thư từ trong nước, được biết có hai điểm làm cho họ nản lòng, đó là:

Quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất, vườn... vẫn bị từ chối (dưới nhãn hiệu *quyền sở hữu toàn dân*, tức là sở hữu trách nhiệm của nhà nước), và *quyền tự do kinh doanh* không được công nhận sòng phẳng (khi điều 19 hiến pháp ghi rõ: sở hữu quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân).

Bà con nông dân được giải thích là họ vẫn có quyền sử dụng lâu dài ruộng vườn, còn được chuyển nhượng và kế thừa, không khác gì quyền sở hữu; bà con vạn lại: nói không khác gì, vậy sao không công nhận quyền sở hữu? Nông dân muốn rằng ruộng đất là thực sự của mình, là *con đẻ* của mình để hết lòng chăm sóc; còn là *con nuôi*, do nhà nước giao cho, thì vẫn là tạm bợ, không ổn.

Theo dõi phiên họp quốc hội đầu tiên, một số nhà báo có mặt hy vọng rằng sẽ có đại biểu quốc hội nêu lên những vấn đề nóng bỏng như: việc hóa giá bất hợp pháp hơn 400 ngôi biệt thự lớn ở Sài Gòn giải quyết ra sao? Giải quyết cụ thể số thất nghiệp lên đến hơn 6 triệu người bằng biện pháp nào? Việc giải quyết các cơ sở công nghiệp quốc doanh lỗ dài dài hàng ngàn tỷ đồng bằng

cách nào? Làm thế nào để cứu các xí nghiệp nội địa như: xe đạp VIHA, giấy Thượng Đình, sứ Hải Dương, sắt tráng men Hải Phòng, bóng đèn phích nước Rạng Đông, bia Trúc Bạch, vải lụa Nam Định... đang ngắc ngoải vì hàng Trung Quốc tràn vào như thác lũ? Rồi vụ hai ông tướng Dương Thông và Quang Phòng làm những điều bí ôi để vu khống, bôi nhọ nhà văn can đảm Dương Thu Hương bị đưa ra ánh sáng, qua đó Bộ Nội Vụ nhìn nhận ra sao, nhất là đối với hàng trăm vụ án oan khác, trong suốt thời gian qua? Thế nhưng các ông nghị đều im thin thít. Chỉ có vài người dẫn chứng về tệ tham nhũng, về nạn mãi dâm, về nền y tế và giáo dục xuống cấp để minh họa cho báo cáo của ông Phan Văn Khải, chứ không có ai chất vấn thực sự chính phủ cả!

Cho đến những lời hứa của ông Võ Văn Kiệt là sẽ cải tổ sâu rộng chính phủ, sẽ đưa những tài năng thực sự làm bộ trưởng, bất kể là đảng viên hay không, thì lời hứa ấy cũng đã tan biến như bọt xà phòng. Chỉ có hai "mini" thay đổi ở hai bộ y tế và năng lượng! Còn thì vẫn y nguyên bộ sậu cũ!

Một đại tướng - mặt luôn như giận dữ, ít biết cười - làm nguyên thủ quốc gia (trong khi xu thế chung của thế giới là đưa các vị tướng ra khỏi các chính quyền dân sự); một đại tướng nữa làm bộ trưởng quốc phòng, trong một tháng hai lần lên án việc các nước ngoài đầu tư vào Việt Nam chỉ tổ gây lật đổ, diễn biến hòa bình và bệnh sida; một quốc hội được đảng chọn từng người và tỏ ra ngoan ngoãn vâng lời đảng... trách gì mà bà con trong nước kháo nhau: kệ họ, họ làm việc họ, ta làm việc ta, bàn về dân chủ với họ thì nói chuyện với đầu gối còn hơn!

Vì đâu? hay là: Tại ai?

Bức tranh toàn cảnh của đất nước vẫn xám xịt! Đó là điều rõ ràng. Cảnh phồn vinh giả tạo do hàng ngoại tràn ngập, do vũ trường, quán đặc sản đầy rẫy không che dấu được những thảm cảnh gia đình và xã hội rộng khắp.

Chỉ cần một cuộc trưng cầu dân ý về lòng tin của người dân đối với đảng, đối với chủ nghĩa Mác Lênin, đối với chủ nghĩa xã hội (đều được ghi đậm trong hiến pháp mới) là chân lý tỏ tường ngay.

Chính quyền có một lập luận khôn mà không ngoan. Họ giải thích mọi khó khăn là tại chính phủ Mỹ duy trì cấm vận! Cứ như là khi Mỹ bỏ cấm vận thì mọi điều sẽ trôi chảy, đất nước sẽ phát triển thành "rồng"! Gần đây, các nhà kinh doanh Mỹ, Nhật, cho đến cả một số nhà tư bản Pháp nữa đều chung một nhận xét: tình trạng thiếu luật, hoặc luật có quá nhiều điều khoản mơ hồ; tình trạng tham nhũng và quan liêu không giảm lại còn gia tăng... thì khó mà làm ăn nghiêm chỉnh được với Việt Nam! Họ cũng đòi hợp tác với hiện pháp "mới", quốc hội "mới", chính phủ "mới", nhưng rồi họ cũng nản lòng, chán ngán luôn! Đổi mới kinh tế vẫn còn lâu mới đủ "đỏ", mới đồng bộ, đổi mới chính trị còn khóa chặt, thì sao mà tạo nên ấn tượng tốt cho cánh đầu tư!

Mới đây, IMF (Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế) giúp cho Việt Nam đào tạo cán bộ và thảo vấn kiện về điều hành hệ thống ngân hàng mới

và thị trường chứng khoán cho khớp với nền kinh tế thị trường. Thế nhưng cuộc họp của Hội Đồng Bộ Trưởng ngay trước khi quốc hội họp đã nhanh chóng dứt tất cả vào... ngân kéo! Lý do: e ngại đủ thứ! Vì... không hợp với chủ nghĩa xã hội! Vì e sợ hỗn loạn về tài chính! Vì vấn đề mới mẻ và lạ lùng quá!

Vì lo sợ, dị ứng với quyền tư hữu, quyền tự do kinh doanh - hai nền tảng của phát triển xã hội và ổn định chính trị - nên mỗi bước đổi mới lại ngập ngừng, run sợ, không sao đoạn tuyệt nổi với quá khứ giáo điều, đảng cầm quyền vẫn bị *cầm tù* bởi những quan niệm cổ hủ, và họ *bất toàn cả xã hội phải ngồi tù luôn!* Họ nghĩ rằng họ không lỗ, không thiệt, vì họ cầm quyền, họ tận dụng tình hình nhập nhoang, tranh tối tranh sáng, cái mới chưa thắng hẳn, cái cũ chẳng chịu lùi, để kiếm chác, mách mung, dành lấy bổng lộc riêng đã. Chỉ thiệt cho người dân đen.

Nỗi thống khổ của người dân, nỗi bất hạnh của toàn xã hội, đất nước còn lâu mới thành "rồng", một đồng rần rết tác yêu tác quái, trách nhiệm này hoàn toàn thuộc về những người độc đoán chuyên quyền nắm chặt quyền bính, mắt mở mà không cần thấy thảm cảnh dân tộc, vênh tai mà chẳng thèm nghe những lời khuyên can đúng đắn. Sống chết mặc bay! Đó là thái độ vô trách nhiệm của họ.

Do vậy, trách nhiệm đối với tương lai dân tộc đang chuyển qua tay những công dân yêu nước thương dân thật lòng, hàng ngũ những người Việt Nam dân chủ trong và ngoài nước, cùng chung lòng chung sức làm việc trong khả năng để cùng đồng bào yêu quý thoát cảnh nước sôi lửa bỏng phi lý hiện nay, chấm dứt tình hình: đảng vẫn là ông chủ của nhà nước, ông chủ của nhân dân.

Bùi Tín

Paris tháng 10-1991

- (*) Danh sách Ủy Ban Pháp Luật Quốc Hội khóa 9
- 01- Hà Mạnh Trí (Thái Bình) - ủy viên ủy ban thường vụ quốc hội khóa 9, phó viện trưởng VKSND Tối Cao - chủ nhiệm
 - 02- Nguyễn Văn Yêu (Hải Hưng) - thứ trưởng Bộ Tư Pháp - phó chủ nhiệm
 - 03- Lê Khắc Bình (TP/HCM) - chủ tịch UBND TP/HCM - phó chủ nhiệm
 - 04- Lê Thị Thu Ba (Đồng Nai) - phó chánh án tỉnh Đồng Nai - ủy viên
 - 05- Lê Thanh Bình ((Sóc Trăng) - chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng
 - 06- Lê Minh Châu, bí danh Bà Châu (TP/HCM) - giám đốc Sở Thương Nghiệp TP/HCM
 - 07- Lê Minh Châu (Đồng Tháp) - chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp
 - 08- Hà Văn Chuẩn (Hòa Bình) - giám đốc Sở Tư Pháp tỉnh Hòa Bình
 - 09- Trần Minh Duẩn (Khánh Hòa) - trưởng Ban Tuyên Giáo Tỉnh Ủy Khánh Hòa
 - 10- Trịnh Hồng Dương (Hà Tĩnh) - phó chánh án TAND Tối Cao
 - 11- Phạm Xuân Định (Cần Thơ) - trưởng Ban Dân Chủ Pháp Luật MTTQ tỉnh Cần Thơ
 - 12- Trần Hòa (Quảng Bình) - phó bí thư Tỉnh Ủy Quảng Bình
 - 13- Nguyễn Văn Khá (Nam Hà) - giám đốc Sở Công An Nam Hà
 - 14- Vũ Đức Khiên (Hà Nội) - viện trưởng VKSND Hà Nội
 - 15- Nguyễn Đình Ngô (Thừa Thiên - Huế) - trưởng Ban Dân Vận Tỉnh
 - 16- Huỳnh Nghĩa (Quảng Nam - Đà Nẵng) - phó chánh án Tòa Án tỉnh
 - 17- Nguyễn Văn Sản (Thái Bình) - chánh án Tòa Án tỉnh Thái Bình
 - 18- Bùi Văn Tân (Kiên Giang) - chủ tịch HĐND tỉnh Kiên Giang
 - 19- Võ Thị Thắng (Long An) - phó chủ tịch hội LHPNVN
 - 20- Phùng Văn Toàn (Vĩnh Phú) - giám đốc Sở Tư Pháp Vĩnh Phú
 - 21- Dương Việt Trung (Cần Thơ) - giám đốc công ty Nông Sản Xuất Khẩu tỉnh
 - 22- Nguyễn Thị Tuyết (Hà Tây) - viện trưởng VKSND tỉnh Hà Tây
 - 23- Trần Thị Kim Vân (Sông Bé) - phó giám đốc Sở Nông Lâm Thủy Sản tỉnh Sông Bé

Những cái áo mới của ông Đặng *

Phùng Nguyên

Đại hội lần thứ 14 từ 12-10 đến 18-10-1992 đánh dấu sự thắng thế tương đối của ông Đặng Tiểu Bình. Là nhân vật trọng yếu trong việc mở rộng kinh tế từ hội nghị lần thứ 3 khóa 11 năm 1978, ông Đặng lần lượt hạ bệ Hoa Quốc Phong (1980) và "hy sinh" hai người thân cận là Hồ Diệu Bang (1987) và Triệu Tử Dương (1989).

Thực ra, từ khi họ Đặng trở lại chính quyền năm 1977, sau hai lần bị Mao Trạch Đông lột chức, người ta có thể nói chính trường Trung Quốc là một cuộc tranh chấp không ngừng giữa hai vị "bô lão" là Đặng Tiểu Bình (88 tuổi) và Trần Văn (87 tuổi).

Nếu ông Trần Văn, thể hiện của phái bảo thủ, tranh đấu để giữ vững "xã hội chủ nghĩa" thì, trái lại, ông Đặng Tiểu Bình phức tạp hơn nhiều. Ông không phải là người canh tân ở bất cứ hoàn cảnh nào. Là người khôn ngoan giáo hoạt, thay đổi không ngừng chiến lược, có xu hướng độc tài, tham quyền cố vị, ông Đặng thích đứng sau hậu trường "giật dây" để các bạn đồng hành "đứng mũi chịu sào". Nhưng cũng phải công nhận ông Đặng là con người có bản lãnh, có chút ít sáng suốt về đường lối kinh tế. Nhận thấy chế độ xã hội chủ nghĩa đưa Trung Quốc vào con đường tuyệt vọng, ông Đặng cho mở cửa về kinh tế, nhưng vẫn khư khư đóng cửa về sửa đổi chính trị. Nhưng con đường mở rộng kinh tế của ông Đặng không đáp ứng quy luật kinh tế và chưa có xứ nào trên thế giới đã thực hiện trước đây. Đó là đường lối "nửa nạc nửa mỡ", còn được gọi là "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" (chúng tôi sẽ có dịp trở lại thành quả của đường lối này từ năm 1980).

Trong bài tham luận này, chúng tôi chỉ phân tích sự tranh quyền giữa hai nhóm canh tân và bảo thủ năm 1980 trở đi.

I. Chính trường Trung Quốc sau "cách mạng văn hóa" và sau ngày Mao Trạch Đông từ trần

Từ tháng 4-1975 đến tháng 9-1976, Trung Quốc trải qua nhiều tai nạn lớn lao. Năm nhà lãnh đạo, cũng là ủy viên ban thường vụ Bộ Chính Trị ở Đại Hội 10 (tháng 8-1973) lần lượt từ trần: Đồng Tất Vũ, phó chủ tịch nước (4-1975), Khương Sinh, trùm mật vụ (12-1975), thủ tướng Chu Ân Lai (1-1976), Chu Đức, chủ tịch quốc hội kiêm chủ tịch nước (7-1976) và Mao Trạch Đông, chủ tịch đảng (9-1976). Năm 1976 cũng là năm chính thức kết thúc "cách mạng văn hóa" lại cũng là năm có động đất lớn ở Đường Sơn gần tỉnh Thiên Tân. Người Dân Trung Quốc mê tín cho rằng chế độ cộng sản Trung Quốc đã đến lúc cáo chung!

Phái cầm quyền lúc đó chia thành tám nhóm trong đó có bốn nhóm chính: nhóm Mao Trạch Đông (Hoa Quốc Phong, Ưông Đông Hưng), nhóm ôn hòa của thủ tướng Chu Ân Lai, nhóm "tứ nhân bang", nhóm bị cách mạng văn hóa hạ bệ trở lại chính quyền (Lý Tiên Niệm).

Tháng 4-1976, nhân cuộc biểu tình sinh viên tưởng niệm cố thủ tướng Chu Ân Lai, chống chính phủ Hoa Quốc Phong và đòi Đặng Tiểu Bình lên cầm quyền, ông Mao lại một lần nữa lột tất cả các chức của ông Đặng vừa trở lại chính quyền hồi 1973 và đương năm giữ chức phó chủ tịch đảng, phó thủ tướng và tổng tham mưu trưởng quân đội. Lẽ ra chức vụ thủ tướng phải vào tay ông Đặng sau khi ông Chu từ trần nhưng chức vụ này vào tay ông Hoa Quốc Phong, cựu bộ trưởng Bộ An Ninh, người của ông Mao, vào tháng 2-1976.

Cái may của ông Đặng là được sự bảo hộ của hai tướng Hứa Thế Hữu (Nam Kinh) và Vi Quốc Thanh (Quảng Châu) cho đến ngày trở lại chính quyền. Tháng 9-1976, sau khi ông Mao từ trần, Hoa Quốc Phong thừa cơ thắng thế, trở mặt cho trùm mật vụ Ưông Đông Hưng đi bắt "tứ nhân bang" là bà Giang Thanh (vợ ông Mao), Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiêu và Diệu Văn Nguyễn. Bốn người này cũng là ủy viên Bộ Chính trị sau Đại Hội 9 (tháng 4-1969) và Đại Hội 10 (tháng 8-1973). Hoa Quốc Phong chính thức kế vị Mao Trạch Đông ở chức vụ chủ tịch đảng, chủ tịch quân ủy trung ương và kiêm luôn thủ tướng chính phủ. Đảng và nhà nước là một! Trong lịch sử đảng Trung Quốc, chưa có ai có nhiều chức vụ như ông Hoa. Nhưng ông Hoa vấp phải sự chống đối mạnh mẽ của quân đội. Khi thế của quân đội bị giảm sút sau cuộc đảo chánh thất bại của Lâm Bưu hồi tháng 9-1971.

Trước áp lực của quân đội và sự nhường nhịn của ông Đặng, ông Hoa miễn cưỡng bổ nhiệm ông Đặng ở ba chức vụ cũ vào tháng 7-1977. Tuy là nhân vật số 3, ông Đặng trong thời gian từ hè 1977 đến hè 1978, chỉ cho ý kiến về khoa học kỹ thuật, quyền binh thật sự nằm trong tay Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh và Lý Tiên Niệm. Phải đợi tới đại hội lần thứ 11 (tháng 8-1978), ông Đặng mới có quyền binh thực sự.

Hội nghị lần thứ ba khóa 11 (tháng 12-1978), ông Đặng đưa ra chương trình cải cách kinh tế đại qui mô mà mục đích là thay thế kinh tế tập trung do nhà nước điều khiển bằng kinh tế hỗn hợp dành cho thành phần kinh tế thị trường và sáng kiến tư nhân. Thực tiễn của chương trình này là giới hạn kế hoạch trung ương, nới rộng quyền tự trị ở các ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ, mở rộng tự do giá cả và cho phép các tư nhân nhỏ hành nghề. Về nông nghiệp, họ Đặng chủ trương từ từ bãi bỏ chế độ tập thể hóa, đường lối này hoàn toàn trái ngược với đường lối của Mao trước đây mà Hoa lấy đó làm kim chỉ nam.

Hội nghị này cũng khôi phục lại danh dự thống soái Bành Đức Hoài và Đào Chú, nguyên ủy viên Ban thường vụ Bộ Chính Trị bị chết oan trong thời kỳ cách mạng văn hóa, và đồng thời đem chín người bị mất chức trước đây trở lại ban chấp hành trung ương đảng, trong đó có ông Trần Văn, bà Đặng Đình Siêu (vợ ông Chu Ân Lai), các ông Hồ Diệu Bang, Vương Chấn. Trần Văn lại được bổ nhiệm phó chủ tịch đảng và ủy viên ban thường vụ Bộ Chính Trị.

Tháng 2-1980, ông Đặng vừa cho người của mình vào bộ chính trị (Triệu Tử Dương) và đồng thời loại vây cánh của ông Hoa ra khỏi cơ quan này. Đó là các ông Uông Đông Hưng, Trần Tích Liên, Ngô Đức, Kỳ Đăng Khuê. Ông Lưu Thiếu Kỳ được chính thức khôi phục danh dự và được cho là nhà "mát-xít lớn". Cách mạng văn hóa cũng bị lên án. Tháng 12-1980, số phận của họ Hoa đã tới kỳ hạn. Bộ Chính Trị "nhất trí" lấy nghị quyết: *"Đồng chí Hoa trong bốn năm qua làm việc tốt nhưng thiếu khả năng lãnh đạo, chức vụ chủ tịch Quân ủy trung ương lẽ ra không được kiêm nhiệm"*. Hồ Diệu Bang được bổ nhiệm chủ tịch đảng nhưng chức vụ chủ tịch Quân ủy Trung ương vào tay ông Đặng.

II. Sự tranh quyền giữa nhóm Đặng và nhóm Trần Văn

Nhóm Đặng Tiểu Bình, sau khi kết hợp với nhóm Trần Văn để hạ bộ Hoa Quốc Phong, bắt đầu tranh quyền sau đó. Nhóm Trần Văn và các vị tướng già trong quân đội bắt đầu lo âu cho sự cải cách kinh tế của ông Đặng đi "quá xa" cũng như sự phóng khoáng về tư tưởng của Hồ Diệu Bang.

Nếu nhóm ông Đặng đang nắm các chức vụ trọng yếu trong đảng và nhà nước thì trái lại, nhóm Trần Văn nắm các cơ quan tuyên huấn, ban tổ chức và trường đảng. Ba người cực kỳ bảo thủ đang nắm các guồng máy này là Đặng Lập Quân, Hồ Kiều Mộc và Vương Chấn.

Đại Hội lần thứ 12 được tổ chức vào tháng 9-1982. Đây là một đại hội thỏa thuận giữa hai nhóm. Bốn người của họ Đặng được đưa vào Bộ Chính Trị là Tập Trọng Huân, Liêu Thừa Chí, Vạn Lý, Dương Đức Chí. Nhóm Trần Văn cũng có bốn người là Tống Nhiệm Cung, Hồ Kiều Mộc, Dương Thượng Côn và Diệu Y Lâm (dự khuyết). Hai bên đi đến một thỏa hiệp đồng ý thành lập ban cố vấn và bãi bỏ chức vụ chủ tịch đảng để tái lập chức vụ tổng thư ký. Từ nay, tổng thư ký chỉ có nhiệm vụ triệu tập đại hội đảng mà không có quyền chủ tọa. Đây là một thất bại đầu tiên của nhóm Đặng vì ban cố vấn là nơi tập trung của phái bảo thủ và tổng thư ký, người của ông Đặng, ít quyền hơn trước. Ban tuyên huấn, ý thức hệ, văn hóa vẫn được nhóm Trần Văn nắm.

Đại hội lần thứ 12 vừa xong, nhóm Trần Văn mở chiến dịch tấn công Hồ Diệu Bang bằng cách kết hợp với Triệu Tử Dương. Từ khi được bổ nhiệm thủ tướng chính phủ, Triệu Tử Dương cũng muốn tập trung quyền lực trong tay mình. Thực ra Triệu Tử Dương cũng như Đặng Tiểu Bình chỉ muốn sửa đổi đường lối về kinh tế mà không mở rộng đường lối chính trị, khác với Hồ Diệu Bang chủ trương phải làm cùng lúc. Từ đó, có sự mâu thuẫn trầm trọng về đường lối của tổng thư ký đảng và thủ tướng chính phủ. Cơ hội này rất thuận lợi cho nhóm họ Trần. Nhưng nhóm này mắc phải sai lầm là chọn lãnh vực kinh tế để tấn công Hồ Diệu Bang. Nhưng làm sao chỉ trích họ Hồ trong khi ông này không nắm kinh tế? Lại nữa, kinh tế trong năm 1982 không tệ lắm. Nhóm Trần cho người tìm kiếm trong các diễn văn của Hồ Diệu Bang có lần nói phải tăng gấp đôi nhịp độ phát triển. Đây là "bằng chứng" là Hồ Diệu Bang muốn gieo rắc sự hỗn độn đường lối kinh tế của Triệu Tử Dương. Trần Văn cho triệu tập các cơ quan báo chí và các tỉnh ủy để chỉ trích Hồ Diệu Bang. Trước phản ứng tiêu cực của các tỉnh ủy, của Đặng Tiểu Bình và Diệp Kiếm Anh, sự tấn công này bị thất bại. Nhóm họ Trần liền đổi qua lĩnh vực ý thức hệ để đá kích Hồ Diệu Bang.

Lợi dụng chiến dịch "quét sạch ô nhiễm tinh thần", do hậu quả của chính sách mở rộng, nhóm bảo thủ chỉ trích các người thân cận của Hồ Diệu Bang. Ở Trung Quốc có truyền thống là muốn đánh ngã một nhân vật chính, trước hết phải gạt nhân vật phụ. Người ta còn nhớ vở kịch Hải Thụy cáo quan của Ngô Hàm, người thân cận của Bành Chân, thị trưởng thành phố Bắc Kinh, xuất bản năm 1959. Vở kịch ám chỉ vua (Mao) đã miễn chức oan một vị công thần chính trực (Bành Đức Hoài). Vì vở kịch này mà Bành Chân bị nhóm cách mạng văn hóa đánh ngã sau đó. Tuy nhiên chiến dịch "quét trừ ô nhiễm tinh thần" của nhóm Trần Văn quá lộ bịch lại thất bại.

Trong ba năm liên tiếp, hai nhóm Đặng - Trần dò xét chờ đợi thời cơ tốt. Hồ Diệu Bang vẫn tiếp tục chủ trương nói rộng tự do văn hóa, khoa học và thông tin, và đồng thời đề xướng chiến dịch "hai lần trăm hoa" với mục đích chinh phục lại dư luận quần chúng trên hai lãnh vực: chống tham nhũng và chống suy hóa tư tưởng. Hồ Diệu Bang lại soạn thảo dự án dân chủ hóa chế độ và đồng thời nhấn mạnh Trung Quốc phải hấp thụ kiến thức kỹ thuật văn hóa của nước ngoài.

Những đề nghị này không khác gì những đề nghị của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu đầu thế kỷ 20. Ở hội nghị Bắc Đới Hà vào tháng 9-1986, dự án của ông Hồ không những bị phái bảo thủ chỉ trích mà còn bị Triệu Tử Dương và Đặng Tiểu Bình phê phán. Sự bất đồng về đường lối và quyền lợi giữa hai họ Hồ - Triệu lên đến tột độ. Ông Đặng cũng sợ mất quyền nên đổi ý đứng về phía bảo thủ. Liên ngay sau đó, sinh viên trường đại học Hợp Phi (tỉnh An Huy) biểu tình đòi tự do báo chí, tự do hội họp, đòi có nhiều ứng cử viên trong các cuộc tuyển cử. Sinh viên các tỉnh lớn lần lượt xuống đường đòi cho được các quyền này. Một cuộc hội nghị bộ chính trị nói rộng có sự tham dự của ban cố vấn với quyền bỏ phiếu (trái với điều lệ đảng) ngày 25-12-1986 đã cách chức Hồ Diệu Bang. Chiến dịch chống tự do trường giả được tăng cường. Ba nhà trí thức có tiếng là nhà vật lý thiên văn Phương Lệ Chi, nhà văn Lưu Tân Nhận, ký giả Vương Nhược Vọng bị loại đảng.

Sự "tù chức" của Hồ Diệu Bang được chính thức công bố cho dân chúng biết vào ngày 16-1-1987, đánh dấu sự thất bại của ông Đặng trong đường lối mở cửa. Cũng phải nói là trong ba năm 1984-86, người ta nhận thấy có sự trượt tuột về kinh tế. Sau nhiều năm mở cửa, tham nhũng hoành hành, vật giá lên cao, sản lượng nhập khẩu tăng lên vượt bực, thiếu hụt cán cân thương mại gia tăng, ngân quỹ dự trữ bị giảm nặng... Trung Quốc phải đi vay nợ xứ ngoài. Trong ba năm, nợ xứ ngoài tăng lên gấp ba, lên đến 27 tỉ đô-la trong năm 1986. Phái bảo thủ cho rằng có tình trạng này là vì phái canh tân đã cho lập ra các đặc khu ở một số vùng ven biển tại Quảng Đông (Thâm Quyển, Chu Hải, Sán Đầu) và tại Phúc Kiến (Hạ Môn) dành cho công ty ngoại quốc được hưởng nhiều đặc quyền. Do đó đem vào Trung Quốc những sản phẩm văn hóa truy lạc của lối sống tư bản chủ nghĩa.

Triệu Tử Dương được đề cử thay Hồ Diệu Bang để chuẩn bị đại hội lần thứ 13 vào cuối tháng 10-1987. Quan hệ giữa ông Đặng và Triệu Tử Dương trong thời gian này như là "tuần trăng mật", cho nên phái bảo thủ đành phải đợi thời cơ khác. Thời cơ đó là việc "thất cử" của Đặng Lập Quân vào ban chấp hành đảng, chỉ được "trúng cử" ủy viên ban cố vấn, nghĩa là ở cương vị châu rìa. Mặt khác, Hồ Kiều Mộc chỉ được trúng cử với hai phần ba

số phiếu, quá ít so với tỉ số thường lệ. Đây là một thất bại lớn của nhóm bảo thủ, vì trước đây, Đặng Lập Quân ở ban bí thư và là trưởng ban tuyên truyền, đã chứng tỏ là người rất đắc lực trong nhóm bảo thủ. Việc này làm phái bảo thủ rất tức giận.

Đại hội lần thứ 13 đánh dấu sự thắng thế của phái canh tân. Một số người mới canh tân được vào bộ chính trị như Hồ Khải Lập, Giang Trạch Dân, Lý Thụy Hoàn, Lý Thiết Ánh, Dương Nhữ Đại, Đinh Quan Căn (dự khuyết). Ở ban bí thư hoàn toàn là người của phái canh tân: Hồ Khải Lập, Diêm Minh Phúc, Nhuế Hạnh Văn, Ôn Gia Bảo. Sau đại hội, nếu sự chọn lựa Dương Thượng Côn, chủ tịch nước không có vấn đề, thì trái lại việc bổ nhiệm thủ tướng có sự bất đồng ý kiến giữa ông Đặng và Triệu Tử Dương. Cuối cùng, Lý Bằng thuộc phái bảo thủ được chọn làm thủ tướng. Phái bảo thủ dựa vào Lý Bằng để đánh đổ Triệu Tử Dương. Họ đợi không lâu lắm, vì chỉ một năm rưỡi sau là Triệu Tử Dương mất chức. Năm 1988 là năm rất khó khăn cho Trung Quốc về mặt kinh tế. Sau nhiều năm nổi rộng kiểm soát, vật giá lương thực tăng lên từ 24 đến 50% tùy theo loại hàng. Lạm phát chính thức tăng 18% so với năm trước, trong khi thu hoạch về nông nghiệp lại giảm sút. Hậu quả này là do chính sách mở cửa cũng như do các chính quyền địa phương miền nam bỏ rơi nông nghiệp, chỉ bỏ vốn đầu tư vào công nghiệp để mau có lợi. Đời sống ở thành thị của công nhân, công tư chức càng ngày càng khó khăn.

Trước tình trạng đó, hội nghị lần thứ ba khóa 13 tháng 9-1988 quyết định ngừng chỉ chính sách mở rộng. Hàng triệu nông dân bỏ ruộng đi tìm công ăn việc làm ở thành thị phải thất nghiệp. Chính quyền địa phương các vùng ven biển bắt phục lệnh trung ương vẫn tiếp tục đầu tư với ngoại quốc, gây thêm thiếu hụt ngân quỹ dự trữ. Chính vì sự thất bại về kinh tế mà Triệu Tử Dương mất tính nhiệm với Đặng Tiểu Bình. Triệu Tử Dương trở thành cô độc từ đó. Họa vô đơn chí, Hồ Diệu Bang lại từ trần ngày 15-4-1989. Sinh viên học sinh có dịp xuống đường đòi tự do dân chủ, lấy cớ là ông Hồ đã bị cách chức vì muốn dân chủ hóa chế độ. Xã luận báo Nhân Dân ra ngày 26-4-1989 được bộ chính trị và ông Đặng phê chuẩn cảnh cáo mưu toan của một nhóm sinh viên "phản động" muốn lật đổ chính quyền. Các cuộc biểu tình sau đó lên tới cả triệu người trong đó có tất cả thành phần giai cấp của xã hội. Phái bảo thủ và ông Đặng (một lần nữa đổi ý), chủ trương giải pháp cứng rắn trong khi Triệu Tử Dương muốn tìm giải pháp thương thuyết với sinh viên. Sự bất hòa thượng đỉnh ở cấp lãnh đạo đưa tới thảm trạng Thiên An Môn mà thế giới đều biết.

Hội nghị lần thứ 4 khóa 13 họp từ ngày 22 đến 24 tháng 6 quyết định cách chức Triệu Tử Dương và lập ra ban chính trị mới với sự bổ nhiệm của Giang Trạch Dân (rể của Lý Tiên Niệm) ở chức vụ tổng thư ký đảng, và chủ tịch quân ủy trung ương. Ông Đặng và ông Trần Văn chính thức về "hưu trí". So với bộ chính trị ở đại hội 13, phái canh tân bị loại rất nhiều. Người tiêu biểu là Hồ Khải Lập, trước đây ở ban thường vụ và ban bí thư.

III. Thắng lợi cuối cùng của ông Đặng?

Từ tháng 2-1992, ông Đặng đi kinh lý ở các đặc khu miền nam, không ngừng ca ngợi chế độ tư bản và đòi "bắc phạt" (1) nếu không chịu tiếp tục cải tạo đường lối kinh tế. Bộ chính trị họp giữa tháng 3 chính thức công nhận đường lối "kinh tế thị trường

xã hội chủ nghĩa" của ông Đặng.

Đại hội thứ 14, có thể nói là đại hội thắng lợi cuối cùng của ông Đặng, nhưng còn nhiều ẩn số chưa được giải quyết. Ngoài sự giải tán ban cố vấn, nơi tập trung phái bảo thủ, ông Đặng gạt được sáu người bảo thủ ra khỏi bộ chính trị để đưa nhóm trẻ canh tân ở các chức vụ trọng yếu. Tiêu biểu cho nhóm này là các ông Chu Dung Cơ, Hồ Cẩm Đào, Trâu Gia Hoa. Ông Chu từ ủy viên dự khuyết ban chấp hành đại hội 13 "nhảy vọt" ba cấp vào ban thường vụ bộ chính trị với sứ mạng cải tổ đường lối kinh tế. Còn ông Hồ Cẩm Đào, nguyên tỉnh ủy Tây Tạng, cũng được vào ban thường vụ bộ chính trị, và điều khiển ban bí thư. Ở ban thường vụ bộ chính trị, năm người trên bảy thuộc nhóm canh tân là Giang Trạch Dân, Kiều Thạch, Lý Thụy Hoàn, Chu Dung Cơ, Hồ Cẩm Đào. Hai người kia là đồ đóc Lưu Hoa Thanh và Lý Bằng. Đây là lần thứ hai trong đảng cộng sản Trung Quốc, một quân nhân vào ban thường vụ, người đầu tiên là Lâm Bưu.

Nhóm canh tân còn có Điền Kỳ Văn, Lý Thiết Ánh, Đinh Quan Căn, Trâu Gia Hoa, Ôn Gia Bảo. Những người khác, ngoài những bộ mặt quen biết như Tiền Kỳ Thâm, ngoại trưởng, Trần Hy Đồng, thị trưởng Bắc Kinh, Dương Bạch Băng, em Dương Thượng Côn, gồm những người hoàn toàn mới lạ như Đàm Thiệu Văn, Khương Xuân Văn, Lý Lam Thanh, Ngô Bang Quốc, Tạ Phi, Uy Kiện Hành, Vương Hán Bản (dự khuyết).

*

Từ sự tranh quyền với nhóm Trần Văn từ năm 1980, ông Đặng nhiều lần đổi ý, nhưng mục tiêu cuối cùng là muốn thay đổi đường lối kinh tế theo "tư bản xã hội". Đường lối này được dựng lên thành "tư tưởng Đặng" mà các bạn đồng hành phải lấy đó làm kim chỉ nam. Đường lối này tuy thu được một số kết quả đáng kể, nhưng cũng là bài toán thử thách cho các nhà lãnh đạo mới của Trung Quốc. Làm sao dung hòa kinh tế thị trường dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản trong khi hai phần ba xí nghiệp nhà nước bị lỗ là không có khả năng sa thải, trong khi các tỉnh miền nam bắt phục chính quyền trung ương? Sự phát triển theo hai vận tốc sẽ đưa Trung Quốc đến tình trạng có mâu thuẫn sâu sắc về mặt xã hội. Và lại, người dân Trung Quốc càng ngày càng thêm khát tự do dân chủ mà chính quyền chưa chấp nhận. Anh Ngụy Kinh Sinh đòi "hiện đại hóa thứ năm" (đòi dân chủ) (2) còn nằm trong tù từ 1979. Bài học Thiên An Môn 1989 chưa được nhà cầm quyền Trung Quốc đánh giá đúng mức.

Chính quyền Trung Quốc còn phải đương đầu với hai ẩn số mới là ngày tạ thế của ông Đặng và vai trò của quân đội. Tư tưởng của ông Mao đã bị vùi vào thùng rác của lịch sử sau ngày ông ta chết. Liệu tư tưởng Đặng có bền vững sau ngày ông tạ thế không? Sự trở lại của quân đội ở các cơ quan lãnh đạo chứng tỏ là chính quyền không những không tin vào sự ủng hộ quần chúng, mà còn chuẩn bị để có thể đàn áp. Vì vậy, sự thắng lợi của ông Đặng có thể nói còn khá bấp bênh.

Phùng Nguyễn

(*) Mượn ở "Les habits neufs du président Mao" của Simon Leys (1) Âm chỉ cuộc bắc phạt của Tôn Trung Sơn năm 1924 từ Quảng Châu xuất hành chống nhóm quân phiệt Đoàn Kỳ Thụy, Ngô Bội Phu.

(2) Bốn hiện đại hóa được họ Đặng đề ra là canh nông, công nghiệp, kỹ thuật, quốc phòng.

Đại hội XIV đảng cộng sản Trung Quốc

Trần Nhân Võ

Tư thế bị động

Đại hội XIV đảng cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) vừa kết thúc vào ngày 19-10-1992, sau ba năm biến cố "mùa xuân Bắc Kinh" tại quảng trường Thiên An Môn. Các nhà lãnh tụ ĐCSTQ đang lâm vào tình thế tương tự như đảng cộng sản Việt Nam (ĐCSVN), càng ngày càng co cụm trong tư thế bị động, quay cuồng trong cơn lốc bất thường của "kinh tế thị trường", bối rối trước một xã hội khao khát tự do, bất lực trước đòi hỏi quyền hạnh phúc của toàn dân. Đại hội XIV này so sánh như một vở kịch diễn lại so với đại hội VII của ĐCSVN. Sự kiện này chứng minh rằng các chế độ độc tài cộng sản bá chủ, không còn lối thoát nào hơn giữa sự thức tỉnh như các quốc gia Đông Âu hoặc tự chôn sống trong căn nhà sắp sập đã được chính họ dựng lên.

Bộ chính trị = quân phiệt, công an

Ủy ban thường vụ bộ chính trị là một cơ quan lãnh đạo tối cao của ĐCSTQ, đang từ 5 thành viên sau đại hội XIII, tăng lên 6 qua biến cố Thiên An Môn (1989) và trở thành 7 sau đại hội XIV.

Đặc biệt một trong ba bộ mặt mới của ủy ban này là tướng tổng tư lệnh hải quân Trung Quốc, ông Lưu Hoa Thanh, 76 tuổi. Theo các chính khách quốc tế đánh giá, đây là một bước lùi lớn: lần đầu tiên trong lịch sử ĐCSTQ, kể từ cuộc cách mạng văn hóa 1966, một vị tướng lãnh tại chức được đề cử vào ban thường vụ bộ chính trị. Sự hiện diện của quân đội trong ban lãnh đạo tối cao của ĐCSTQ là một bằng chứng gián tiếp thể hiện sự bất lực, sự lo sợ trước các biến chuyển tương lai, nên đã ve vãn và đưa quân đội vào sân khấu chính trị, hầu biến quân đội thành một công cụ kiểu quân phiệt, trực tiếp làm hậu thuẫn cho công an cảnh sát đàn áp tất cả mọi khát vọng tự do dân chủ của nhân dân.

Nhân vật thứ hai là ông Hồ Cẩm Đào, 50 tuổi, người "trẻ nhất" của bộ chính trị, nhưng lại có thể là một trong những bộ mặt có tương lai nhất, bởi ông ta kiêm nhiệm chức vụ bí thư ban chấp hành trung ương đảng. Ngoài ra ông ta cũng là người có bản lãnh, đã làm "êm dịu" cuộc nổi loạn tại Tây Tạng năm 1988, chỉ sau một năm được bổ nhiệm vào chức vụ bí thư ĐCSTQ.

Ngoài hai nhân vật đặc biệt trên, người ta nhìn thấy những nhân vật quen thuộc của cấp lãnh đạo đương thời trong ủy ban thường vụ bộ chính trị ĐCSTQ: Giang Trạch Dân: tổng bí thư, Lý Bằng: thủ tướng, Kiêu Thạc; công an, Lý Thụy Hoàn: thủ tướng, Chu Dung Cơ: tỉnh trưởng Thượng Hải.

Nếu chúng ta so sánh với hàng ngũ lãnh đạo ĐCSVN: Đỗ Mười: tổng bí thư, Lê Đức Anh: đại tướng, Võ Văn Kiệt: thủ

tướng, Đào Duy Tùng; tư tướng, Bùi Thiện Ngộ: công an, Đoàn Khuê: quân đội, Phạm Thế Duyệt: bí thư thành ủy Hà Nội.

Thì có thể nói rằng, đây là một bản sao chép lại, bởi họ không có giải pháp nào hơn cho một chính sách co cụm, tuy rằng có sự khác biệt rất lớn giữa hai nước, nhưng cùng một chế độ độc tài đảng trị bá chủ và lẽ dĩ nhiên cũng cùng một lối bí. Nói tóm lại bộ chính trị của ĐCSVN hay ĐCSTQ là một tập thể quân phiệt, sử dụng quân đội và công an cảnh sát thống trị quần chúng, áp chế một thể chế phi lý, chà đạp trên quyền hạnh phúc con người. Lịch sử đã để lại biết bao bằng chứng của các chế độ ung thối tương tự. Thế mới biết sự mù quáng tham quyền bá chủ của các đảng "đỉnh cao trí tuệ" đã bước đến trình độ "đỉnh cao đầu tôm" rồi chăng?

Đồng tâm nhất trí tuyệt đối

Sự tương đồng và sự khác biệt giữa đại hội XIV và đại hội VII của ĐCSVN được thể hiện qua sự chi phối của hai lãnh tụ: Đặng Tiểu Bình và Lê Đức Thọ. Ông Lê Đức Thọ đã chết trước đại hội VII, trong khi tại Trung Quốc ông Đặng Tiểu Bình vẫn còn sống và chính vì thế đại hội XIV đã có tính cách xếp đặt có tổ chức và các quan chức có khuynh hướng "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" (một thứ triết thuyết "vi đại" của Đặng Tiểu Bình), đã được tuyển chọn vào các chức vụ then chốt trong guồng máy đảng và guồng máy nhà nước, thay thế các đảng "tư tưởng Mao" đã được lịch sử mời về vườn đui gà. Người ta cũng công nhận rằng trên số 189 thành viên của ban chấp hành ĐCSTQ, một phần rất lớn đã được "trẻ hóa" với số tuổi trung bình 56 tuổi cùng với một số lượng đáng kể các nhân sự của quân đội và công an.

Đại hội XIV được kết thúc qua một cuộc biểu diễn trước vài trăm ký giả quốc tế và quốc nội bằng phương thức biểu quyết giơ tay đồng loạt, không hề thấy phiếu chống cũng như phiếu trắng. Một cuộc thi giơ tay ngoạn mục có ý kiểm điểm hàng ngũ chăng?

Người ta tự hỏi sự đồng tâm nhất trí này có thể sống được bao lâu nữa? Và câu trả lời được dính liền với tuổi già của Đặng Tiểu Bình, bởi một khi ông ta ra đi, sự tranh giành khốc liệt sẽ diễn ra giữa các phe phái quyền lực, nhào lộn với các khuynh hướng cấp tiến và bảo thủ, một thảm kịch sẽ được các chính khách quốc tế theo dõi từng giây từng phút, bởi lẽ truyền thống quyền lực trên đầu súng của ĐCSTQ trước nay vẫn lấy bạo lực làm phương tiện cho cứu cánh. Cuộc cách mạng văn hóa 1966 với gần 20 triệu người bị trừng trị, cuộc xử án công khai của vợ Mao Trạch Đông và phe phản động, và cuộc đàn áp đẫm máu bằng quân đội, bằng xe tăng tại quảng trường Thiên An Môn 1989 vẫn còn văng vẳng trong ký ức mọi người.

Vai trò trọng tài của viễn tượng tranh chấp sắp tới có thể sẽ do nhóm sinh viên khao khát tự do của "mùa xuân Bắc Kinh" đảm nhiệm. Anh Shen Tong, xương gòn viên mật đàm với chính quyền trong lúc phong trào đang biểu tình và tuyệt thực tại Thiên An Môn, đã bí mật trở về sau ba năm tị nạn tại Hoa Kỳ. Sau hai tuần lễ liên lạc và kích động đường dây bí mật của phong trào, anh đã chính thức tuyên bố triệu tập một cuộc họp báo quốc tế tại Bắc

Đại hội XIV đảng công sản Trung Quốc

Kính, một thử thách trước sự bàng hoàng và bối rối của chính quyền. Trước ngày họp báo và trước khi bị bắt rồi bị trục xuất, anh đã thổ lộ cùng với một ký giả Pháp, ông Christophe Nick (báo Actual): "Bản thân tôi cân nặng hơn mười ngàn những tù nhân khác, sự việc kinh khiếp nhưng là như thế, nếu có ai bị bắt trong năm nay, người đó phải tôi". Anh bị bắt cùng với hai chiến hữu vào tháng 8 vừa qua, mặc dầu có sự phản kháng của các hiệp hội cũng như của tổng thống Hoa Kỳ và bộ trưởng ngoại giao Pháp.

Những con phù du

Về phía đảng cộng sản Việt Nam, đại hội VII đã khai mạc chính thức sau khi ông Lê Đức Thọ qua đời. Vốn không có truyền thống hạ bệ nội bộ khát máu như Trung Quốc, cộng thêm sự quyết tâm loại trừ phe nhóm Lê Đức Thọ, các phe cánh quyền lực đã đưa lên các đảng "vô thường vô phạt": Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt... vốn xưa nay là những người chỉ biết tuân lệnh và thừa hành.

Việt Nam hiện nay đang bị thống trị bởi một tập đoàn vơ vét, lộng hành thao túng, đẩy lên trên vài chục đảng "đỉnh cao đầu tôm", chỉ biết tự mãn giữ chặt lấy quyền nhất thời mơ tưởng học đòi đàn anh Trung Quốc sáng chế kinh tế thị trường trong độc tài đảng trị. Những con phù du này cũng sẽ là những con thiêu thân của chính tập đoàn sau khi không còn gì để vơ vét, hoặc đất nước bùng nổ phần nổ trước cảnh con rồng cháu tiên với gần 5.000 năm văn hiến, nay trở thành rồng ăn mày, tiền hối lộ, một trong những nước gắn liền với mỹ từ "nghèo nhất thế giới".

Hỡi các bạn trẻ, hỡi những người có lòng với đất nước "Dân tộc Việt Nam đã phải trả rất đắt cho hận thù và chia rẽ, cho óc độc quyền lệ phải, cho sự cuồng tín và tôn thờ bạo lực. Chúng ta đã thức tỉnh và nhìn ra những vết xe đổ. Chế độ độc tài hiện tại sẽ là chế độ độc tài cuối cùng tại Việt Nam. Rũ bỏ được nó, chúng ta sẽ vĩnh viễn đi vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tự do, dân chủ, bao dung, đùm bọc, kỷ nguyên vinh quang của những cố gắng chung và của những thành công chung". (trích Dự Án Chính Trị Phong Trào Dân Chủ Đa Nguyên).

Trần Nhân Võ

Hưởng ứng chiến dịch Xướng Đường Đòi Dân Chủ

- Đối với người trong nước, tham gia vào chiến dịch gián dị như truyền tai nhau một lời kêu gọi ngắn.
- Đối với người ngoài nước, đóng góp cho chiến dịch dễ dàng như gửi một lá thư.

Chúng tôi gửi kèm với số báo này Lời Kêu Gọi Xướng Đường Đòi Dân Chủ, mong quý vị độc giả gửi về một địa chỉ mà quý vị biết tại Việt Nam.

Một tấm gương

Willi Brandt tạ thế. Các chính trị gia, các nhà hoạt động xã hội, kinh tế đủ các thứ hạng, quốc gia và quốc tế, các ông hoàng bà chúa, họ đến để ca ngợi ông, họ đến để thừa nhận tư tưởng tự do và dân chủ đã được thực hiện trên toàn cõi Đức Quốc.

Đầu rằng, ngày hôm nay, ông không thể còn nghe được những lời ca ngợi ấy, nhưng chắc rằng trong những năm cuối của cuộc đời, ông cũng đã rất hài lòng vì lý tưởng, vì hoài vọng của mình được thực hiện một phần.

Năm 1961, khi phe cộng sản xây bức tường chắn ngang công thành Brandenburg làm biên giới giữa Đông và Tây, với tư cách là thị trưởng Tây Berlin, ông đã nói: "Một ngày sẽ tới, ngày đó công thành Brandenburg không đứng ở biên giới nữa". Năm 1989, ông đã được cùng mọi người dân Berlin chào mừng công thành Brandenburg đứng giữa trung tâm của Berlin.

Để tấn công vào phương Đông, ông chủ trương dùng vũ khí Hòa Giải, ông đã hội đàm với cựu thủ tướng của cựu Cộng Hòa Dân Chủ Đức, ông đã hội đàm với cựu hoàng đế cộng sản Brejnev, ông đã quỳ trước mộ chiến sĩ vô danh Ba Lan.

Hiệp ước Hòa Bình, Ổn Định và Hợp Tác Châu Âu (KSZE), trong đó Nhân Quyền, đặc biệt là quyền tự do đi lại, tự do cư trú được đề cao. Điều đó làm cho tâm tưởng của người dân sống dưới chế độ cộng sản được thức tỉnh, họ cũng mong muốn được sống tự do như ở Phương Tây.

Trên nền tảng của công nghệ cao cấp, kinh tế Phương Tây phát triển mạnh mẽ, vật chất phục vụ cho cuộc sống của con người phong phú, điều đó tạo nên một sự hấp dẫn tự nhiên đối với những người dân sống trên các đất nước nghèo nàn, chậm phát triển. Họ cầu mong được sống kiếp người.

Cuộc cách mạng hòa bình đã xảy ra vì người dân sống dưới chế độ cộng sản đã đủ dũng cảm để thay đổi số phận họ và tìm đời sống tự do. Thế giới tự do bước đầu chiến thắng thế giới cộng sản. Trong những ngày tháng huy hoàng ấy, ấn tượng xấu xa về Đức Quốc phát xít trong Thế Chiến Thứ Hai đã được xóa đi trong suy nghĩ của loài người. Người ta cảm nhận Đức Quốc như một quốc gia hòa bình, ổn định, sung túc, nhân đạo.

Ngày nay, một người nào đó nếu có chút máu Đức trong thân thể, dẫu sống bất kỳ ở đâu đó trên trái đất và dẫu rằng không nói được tiếng Đức cũng được Đức thừa nhận là công dân Đức, còn những ai thuộc giống khác, dẫu rằng họ sống trên đất Đức, dẫu rằng có am hiểu văn hóa Đức đến đâu, cũng chỉ là người nước ngoài.

Các chính trị gia bậc nhất của Đức Quốc cảm ơn sự ủng hộ của thế giới để Đức Quốc được thống nhất trong hòa bình và dân chủ. Họ mong ước cho một Châu Âu thống nhất, và một vai trò quan trọng của Đức Quốc trên thế giới trong trật tự mới. Mọi người nước ngoài tự hỏi trong cái Châu Âu thống nhất ấy, và trong cái trật tự thế giới mới ấy, thì vai trò của người Đức và thân phận người nước ngoài được sắp xếp như thế nào?

Mạc Hoàng

Tiếc thương

Tôi gặp Nguyễn Khắc Ngữ lần đầu và cũng là lần cuối trong một hoàn cảnh đặc biệt.

Tác phẩm đầu tiên tôi đọc của Nguyễn Khắc Ngữ là Những Ngày Cuối Cùng Của Việt Nam Cộng Hòa, viết năm 1979, kể lại giai đoạn lịch sử từ khi ký hiệp định Paris 27-1-1973 đến ngày 30-4-1975. Tôi đọc chăm chú công trình sưu tầm và nghiên cứu lịch sử này. Có một điểm làm tôi thắc mắc, đó là cách dùng từ đối với một số nhân vật: "Những tên bán nước Nguyễn Văn Thiệu và Đặng Văn Quang", "Hoàng Đức Nhã và bọn hạm tử" là những tiêu đề đọc được ở phần mục lục. Cách dùng từ này cho tôi cảm tưởng tính chất khách quan của một công trình nghiên cứu sử bị giảm đi phần nào. Tôi định tâm khi có dịp sẽ tìm cách làm quen tác giả. Thời buổi này, những nhà nghiên cứu sử nghiêm túc chẳng có bao nhiêu.

Nguyễn Khắc Ngữ đã được biết đến từ trước 75 qua hơn hai mươi tác phẩm về địa lý, lịch sử và nhân chủng học (cuốn đầu tiên xuất bản từ 1961), cũng như qua bài viết trên các tạp chí Văn Hóa Nguyệt San, Khảo Cổ Tập san, Văn Hóa Á Châu, Thanh Niên, Đời Mới, Hành Trình, Đất Nước, Trinh Bày. Là một chuyên viên về văn hóa Chăm, ông đã được giải thưởng UNESCO 1967 qua tác phẩm Mầu Hệ Chăm. Nguyễn Khắc Ngữ cũng nghiên cứu về nguồn gốc dân tộc Việt Nam, và từ 1962 đã bảo vệ giả thuyết "nhân chủng" (dựa vào các yếu tố nhân chủng học là chính), theo đó dân tộc Việt Nam là một sắc dân lai giữa các sắc dân từ các hải đảo phía nam lên (Melanesian, Indonesian, là những người sinh sống đầu tiên trên đất nước ta) và giống Mongoloid từ phương bắc xuống (truyền thuyết Kinh Dương Vương).

Từ khi định cư ở Canada, ông tiếp tục công việc nghiên cứu, và tự xuất bản sách của mình trong những điều kiện thật khó khăn. Thời buổi này, có mấy ai chịu khó mua sách sử? Điều kiện làm việc "thủ công" đó cũng ảnh hưởng đến phẩm chất về ấn loát, những sai sót khi đánh máy làm cho công trình nghiên cứu sử mất đi phần nào sự chính xác cần thiết. Dù sao, phải thực sự yêu nghề tới mức độ đam mê mới có thể tự mình xuất bản lấy gần hai mươi tác phẩm từ 1979 đến nay.

Cuối tháng 7 vừa qua, đến Montréal, tôi nhờ một người bạn giới thiệu với Nguyễn Khắc Ngữ. Khi liên lạc mới hay tin ông đang nằm nhà thương. Chúng ung thư bao tử hành hạ ông từ mấy năm qua, nay đã đi vào giai đoạn khốc liệt. Người bạn đưa tôi vào bệnh viện thăm. Nguyễn Khắc Ngữ gượng ngồi dựa trên giường để tiếp chuyện. Tuy thân hình gầy yếu, nhưng miệng vẫn tươi cười, mắt vẫn sáng, vẫn tinh anh. Những cái ống chằng chịt quanh người tiếp sức cho ông kéo dài những ngày ở lại với dương thế, với những người thương yêu và cả với những người thờ ơ.

Trong cái đau đớn tột cùng của thể chất, ông vẫn nói chuyện một cách thật nhiệt thành, nói về những khó khăn và thuận lợi của một người nghiên cứu sử tại hải ngoại, về những công trình ông hoàn tất trong mấy năm qua: "Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Hòa Lan giao tiếp với Đại Việt", "Liên lạc Việt Pháp Thế kỷ XVII, XVIII", "Các đảng phái quốc gia lưu vong", "Bảo Đại, các đảng phái quốc gia và sự thành lập chính quyền quốc gia", v.v... Cuối cùng tôi cũng hỏi thăm ông một câu về sức khỏe. Ông cười bảo cũng đỡ rồi, bác sĩ chưa quyết định làm gì...

Nguyễn Khắc Ngữ mất vào cuối tháng 9-1992, để lại người vợ trẻ và bé trai 4 tuổi. Theo lời những người thân thuộc, ông mãi mê với công trình nghiên cứu chẳng nghĩ đến chuyện lập gia đình, cho tới thời gian gần đây mới đổi ý. Khi biết mình mắc chứng nan y, ông chỉ cầu trời sao cho sống đủ để dạy con khôn lớn và hoàn tất bộ sử Việt Nam đang soạn. Nhưng thần chết đã mang ông ra khỏi tầm tay của những người thân yêu để đưa về nơi vô thủy vô chung.

*

Trong một thời gian rất ngắn, đất nước đã mất đi hai người con yêu.

Trước hết là cái chết của tác giả những bài thơ được phổ nhạc mà một thời tuổi trẻ chúng ta không ai không biết đến. Đã có ai trong chúng ta không từng thương yêu một cô bé như "cô bắc kỳ nho nhỏ" nào đó, không từng để tâm hồn bay bổng vì hình bóng một người con gái với những bước chân sáo đến trường trong dáng "...hiền như ma sơ". Nguyễn Tất Nhiên đã thần thánh hóa tình yêu của những chàng trai ở lứa tuổi 20 với sự chung thủy như một linh mục trước tình yêu Thiên Chúa. Và Nguyễn Tất Nhiên đã chết trong sự thủy chung đó. Biết bao người đã tiếc thương người thi sĩ tài hoa mà bạc mệnh. Nhưng chúng ta có từ đó mang yêu thương chia sẻ với những người nghệ sĩ mà ta còn may mắn nhìn thấy họ trên cõi đời này?

Cái chết của Nguyễn Khắc Ngữ ít được nhắc nhở hơn, nhưng đó là một cái tang lớn cho những người quan tâm đến lịch sử của dân tộc. Những công trình nghiên cứu của ông để lại cho chúng ta là những tài liệu quý báu mà một khi đất nước thanh bình chúng ta mới có hoàn cảnh thuận lợi để đánh giá đúng mức. Trong một lúc nào đó, qua cách nhìn méo mó, dựa trên một chủ thuyết ngoại lai, lịch sử Việt Nam đã bị viết trong một tinh thần không nghiêm chỉnh, thậm chí còn sai lạc, thì mai kia những nhà nghiên cứu phải được hưởng mọi giá trị của tự do để tìm hiểu những sự kiện đích thực về sự cấu tạo của lịch sử dân tộc.

Người nghệ sĩ qua những tác phẩm, để đi vào lòng người, còn được nhắc nhở đến thường xuyên. Nhưng người nghiên cứu (Việt Nam) thì họ chỉ đến trong cõi đời để cống hiến và khi kiệt lực thì ra đi âm thầm, nhất là trong hoàn cảnh xa lìa quê hương như trường hợp người Việt Nam chúng ta.

Hôm nay, chúng ta chỉ biết thấp một nén hương để tiếc thương và ghi ơn họ.

Quản Mỹ Lan

Giải Nobel hòa bình cho một phụ nữ Trung Mỹ

Hàn Lâm Viện Oslo đã trao tặng giải Nobel hòa bình 1992 cho bà Rigoberta Menchu, một lãnh tụ đối lập Guatemala (Trung Mỹ), gốc người thổ dân đã sinh sống tại đây trước khi người da trắng đến. Bà Menchu đã được trao tặng giải Nobel hòa bình vì "những đóng góp của bà vào công trình xây dựng công lý xã hội và sự hòa giải giữa các nhóm sắc tộc". Ngoài ra, bà còn được tán thưởng trong công cuộc chiến đấu để bảo vệ và tôn trọng quyền của những dân bản xứ. Tại Nam Mỹ và Trung Mỹ, những cuộc tranh chấp giữa con cháu những người di dân gốc Châu Âu, sau khi Kha Luân Bố khám phá Châu Mỹ, và dân bản xứ đã đưa đến những đàn áp đẫm máu mà nạn nhân là những người bản xứ.

Bà Menchu xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo. Năm 13 tuổi, bà phải đi ở cho một gia đình da trắng, không biết đọc, biết viết ngay cả tiếng Tây Ban Nha. Anh của bà bị giết năm 1979 trong một cuộc tảo thanh loại trừ quân phiến loạn của quân đội Guatemala. Cha bà bị chết cháy trong một cuộc biểu tình do cảnh sát cố tình gây ra. Bà Menchu đã tranh đấu trong phong trào đối lập bằng vũ lực sau khi lần lượt chính thức tham gia Phong Trào Liên Hiệp Đối Lập tại Guatemala và lãnh đạo Ủy Ban Liên Hiệp Nông Dân.

Bà Menchu 33 tuổi, sống lưu vong tại Mexico từ 1981.

Đại hội đảng cộng sản Trung Quốc

Sau kỳ đại hội đảng lần thứ 14, tay chân của Đặng Tiểu Bình hoàn toàn thắng thế. Trong số bảy nhân vật của ban thường trực Bộ Chính Trị, cơ quan đầu não của trung ương đảng, ba người mới được bầu, đó là đô đốc hải quân Lưu Hoa Thanh, kỹ sư điện Hồ Cẩm Đào, đô trưởng thành phố Thượng Hải, người được xem như là "Gorbachev Trung Hoa", và kỹ sư Lư Vinh Cảnh, 50 tuổi, người trẻ nhất của Bộ Chính Trị. Giang Trạch Dân vẫn giữ chức bí thư và Lý Bằng chức thủ tướng. Trong số 13 người còn lại của Bộ Chính Trị, chín người cũ ra đi, thay vào đó những người mới. Những người cũ là những nhân vật nổi tiếng bảo thủ, già nua, và chịu nhiều trách nhiệm trong biến cố Thiên An Môn trước đây.

Đô đốc Lưu Hoa Thanh, 76 tuổi, đã từng phụng sự dưới trướng của Đặng Tiểu Bình, trong cuộc trường chinh. Ông đã có công xây dựng hải quân Trung Quốc. Lưu Hoa Thanh còn giữ vai trò phó chủ tịch ủy ban quân sự của trung ương đảng, một cơ quan đóng vai trò quyết định trong những vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia.

Thủ tướng Lý Bằng phải nhường cho Hồ Cẩm Đào nắm trọng trách kinh tế. Đây là một người nổi tiếng có đầu óc cấp tiến trong lãnh vực kinh tế. Trong biến cố Thiên An Môn năm 1989, ông đã nổi tiếng là khôn khéo vì đã không dùng đến quân đội để vẫn hồi lại trật tự tại Thượng Hải, thành phố mà ông làm đô trưởng vào lúc bấy giờ.

Lư Vinh Cảnh nổi tiếng là cấp tiến không thua gì Hồ Cẩm Đào. Ông đã từng nắm trọng trách của đảng cộng sản Trung Quốc tại Tây Tạng. Những biến cố đẫm máu xảy ra tại Lhasa Tây Tạng được giới thạo tin cho là do những thành phần thủ cựu của đảng giật dây gây ra để phá vì họ Lư muốn đưa ra chính sách hòa hoãn tại đây. Họ Hồ là tay chân thân tín của Hồ Diệu Bang, cựu bí thư đảng cộng sản Trung Quốc, người được xem là nhân vật có nhiều

sáng kiến nhất trong lịch sử Trung Hoa cộng sản.

Quân Phủ Tang đến xứ Chùa Tháp

Một tiểu đoàn quân Nhật đã đến Kampuchea ngày 13-10 vừa qua. Tiểu đoàn gồm 376 người thuộc công binh, là một thành phần của quân đội Liên Hiệp Quốc vận hồi hòa bình tại Kampuchea, hiện lên đến 15.000 người thuộc các quốc gia khác nhau.

Sự có mặt của lính Nhật tại một nước ngoài nước Nhật có ý nghĩa đặc biệt: đây là lần đầu tiên từ khi đế quốc Phủ Tang thua trận thế chiến II năm 1945, quân đội Nhật được gửi ra ngoài quốc. Tuy chỉ là một thành phần nhỏ của quân đội Liên Hiệp Quốc, nhưng sự kiện này có ý nghĩa một biểu tượng, và đã gây ra những lo ngại cho các nước trong vùng, vẫn chưa quên gót giày của quân viễn chinh Nhật chiếm đóng lãnh thổ họ 50 năm trước đây.

Ngay tại Nhật, phong trào chống đối từ các lực lượng cánh tả cũng đã đẩy lên mạnh mẽ. Tại phi trường quân sự Komaki cách thủ đô Tokyo 270 km về phía tây, khoảng 2000 người đã tụ tập biểu tình ngoài công khi tiểu đoàn Nhật lên máy bay đi Phnom Penh. 3000 cảnh sát chống biểu tình đã có mặt tại chỗ, và 20 người đã bị bắt.

Trưởng phái đoàn UNTAC, một thứ chính quyền lâm thời của LHQ tại Kampuchea, cũng là một người Nhật, ông Yasushi Akashi.

Somalia: đói, nội chiến và thổ phỉ

Somalia là một nước cộng hòa độc lập nằm phía đông bắc Phi Châu, giữa vịnh Aden và Ấn Độ Dương, diện tích khoảng 250.000 dặm vuông, thủ đô Mogadishu. Somalia là một nước nghèo, khoảng 3 triệu dân, phần đông là dân du mục Hồi giáo sunni sống bằng nghề chăn nuôi và canh nông. Somalia là kết hợp của hai vùng đất trước kia dưới quyền quản trị của Anh Quốc và Ý Đại Lợi, được trao trả độc lập ngày 1-7-1960. Trong thập niên 60, Somalia đã có ổn định chính trị với sự cầm quyền của Liên Minh Trẻ Somalia (Somalia Youth League). Nhưng đến năm 1969, quân phiệt cướp chính quyền và áp đặt một chế độ xã hội. Với sự bất tài của tướng tá trong công cuộc quản trị đất nước, Somalia lại tranh chấp liên miên về biên giới với các nước láng giềng Kenya và Ethiopia, cùng với đường lối xã hội lỗi thời, đã dần dần đưa Somalia đi vào con đường khủng hoảng. Đất nước đã nghèo đói, càng ngày càng nghèo đói hơn. Sau khi tổng thống Mohamed Siad Barré bị đuổi ra khỏi chính quyền năm 1991, Somalia rơi vào tình trạng sứ quân và thổ phỉ của các bè phái võ trang.

Đây là giai đoạn cuối cùng đã xô đẩy dân tộc Somalia rơi vào thảm cảnh ngày hôm nay.

Hà Nội công bố hồ sơ POW/MIA

Ngày 23-10-1992, tổng thống Bush tuyên bố "Hà Nội đã làm một cử chỉ thân thiện bằng cách công bố toàn bộ tài liệu văn khố về tù binh Mỹ (POW) và người Mỹ mất tích (MIA) trong chiến tranh". Các tài liệu gồm mấy ngàn hình ảnh, và nhiều đồ vật của người Mỹ như mũ sắt, áo giáp, thẻ bài, v.v... Hà Nội sẽ chuyển

TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC...

các tài liệu này qua viện bảo tàng để những nhân viên trong phái đoàn điều tra Mỹ có thể nghiên cứu.

Ngày 17-10-1992, cựu tướng Vessey đã đến Hà Nội để thảo luận với chính quyền cộng sản Việt Nam một lần nữa về những người Mỹ bị mất tích trong chiến tranh. Đây là lần thứ sáu ông Vessey tới Hà Nội về vấn đề này. Hiện vẫn còn 1658 người Mỹ mất tích mà chưa có bằng chứng là đã chết tại Việt Nam.

Chính quyền Mỹ coi việc Hà Nội hợp tác thành thực trong việc tìm kiếm những người này như là một điều kiện để bãi bỏ lệnh cấm vận và tiến tới bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Vấn đề người Mỹ mất tích được hâm nóng trở lại sau một cuộc điều trần gây chấn của cựu ngoại trưởng Henry Kissinger trước thượng viện Mỹ. Qua cuộc điều trần này, mọi người có liên hệ tới vấn đề đều nhìn nhận là khi người Mỹ rút khỏi Việt Nam chắc chắn còn có những người Mỹ còn kẹt lại. Tướng Vernon Walters khi ra điều trần đã gây xúc động khi ông nói rằng có lẽ những người bị kẹt lại đã bị giết để phi tang rồi.

Tướng Vessey đã hội đàm với ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm, bộ trưởng quốc phòng Đoàn Khuê và sau đó với thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Cùng ngày, thượng nghị sĩ John McCain, một cựu tù binh Mỹ, cũng đã đến Hà Nội để đánh giá các diễn tiến về việc tìm kiếm những người mất tích. Ông McCain sẽ có cơ hội để đến thăm trại giam Hỏa Lò, nơi ông bị giam giữ trước đây, lần chót trước khi trại giam này bị phá hủy để lấy chỗ xây cất một khách sạn loại sang trị giá 34 triệu USD.

Chuyến công tác của tướng Vessey diễn ra vào giữa lúc tổng thống Bush đang ở trong một tình thế gần như tuyệt vọng trong cuộc bầu cử ngày 3-11-1992 tới đây trước ứng cử viên dân chủ Bill Clinton. Hà Nội tỏ ra lo ngại sự thắng cử của Clinton vì đảng dân chủ rất gần bó với các giá trị dân chủ và sẽ khó có thể dễ dãi với Hà Nội nếu Hà Nội tiếp tục đàn áp những nguyện vọng dân chủ. Đảng Dân Chủ không thực tiến như Đảng Cộng Hòa để Hà Nội dễ dàng nói chuyện "hai bên cùng có lợi".

Thảo luận cấp cao Việt Mỹ

Ngày 8-10-1992, ngoại trưởng Hà Nội, Nguyễn Mạnh Cầm, đã hội đàm với quyền ngoại trưởng Mỹ, Lawrence Eagleburger, và bộ trưởng quốc phòng Dick Cheney nhân dịp ông Cầm sang Mỹ dự đại hội đồng Liên Hiệp Quốc. Phát ngôn viên bộ ngoại giao Mỹ, Richard Boucher, cho hay hai bên đã thảo luận về "những vấn đề liên hệ giữa hai nước" đặc biệt là vấn đề người Mỹ mất tích trong chiến tranh và việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Ông Boucher cho biết là lần này bộ ngoại giao Mỹ thấy rằng nên giữ sự kín đáo về nội dung các cuộc thảo luận.

Đây là cuộc gặp gỡ cấp cao lần thứ sáu giữa Hà Nội và Washington trong hai năm qua, và cũng là lần gặp gỡ cấp bộ trưởng đầu tiên trong năm 1992. Năm ngoái các trao đổi Việt Mỹ đã khá dồn dập khiến Hà Nội, và nhiều quan sát viên, tin là việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao sẽ được xúc tiến nhanh chóng. Nhưng từ một thời gian gần đây, dưới áp lực của các dân biểu nghị sĩ bên vực phong trào đấu tranh dân chủ hóa Việt Nam và của các tổ chức yểm trợ người Mỹ mất tích, vấn đề bình thường hóa đã bị khựng lại.

Tháng 9 vừa qua, tổng thống Bush đã ký quyết định tiếp tục

cấm vận đối với Hà Nội thêm một năm nữa.

Thảo luận Việt Trung về tranh chấp lãnh thổ và lãnh hải

"Các chuyên gia Việt Nam và Trung Quốc về những vấn đề biên giới đã họp từ ngày 12 đến ngày 18-10-1992 để trao đổi quan điểm về những vấn đề biên giới và lãnh thổ". Đó là nội dung bản tuyên bố ngắn ngủi của bộ ngoại giao Trung Quốc. Người ta không được biết thành phần hai phái đoàn cũng như các kết quả đã đạt được.

Theo nguồn tin từ bộ ngoại giao Việt Nam và được AFP thuật lại thì các cuộc thảo luận đã đề cập đến quần đảo Trường Sa và vùng Vịnh Bắc Việt. Trung Quốc cũng đã cho thăm dò dầu khí tại nhiều nơi trong lãnh hải Việt Nam.

Trung Quốc đang đòi xét lại hiệp ước mà họ đã ký với Pháp từ đầu thế kỷ về lãnh hải Việt Trung, theo họ lúc đó Pháp đã dùng sức mạnh ép buộc Trung Quốc phải chấp nhận một sự phân chia lãnh hải bất công.

Điều đáng chú ý là vấn đề quần đảo Hoàng Sa đã không được đề cập tới. Quần đảo này trước đó là của Việt Nam Cộng Hòa và đã bị Trung Quốc đánh chiếm vào tháng 1-1974, lúc đó Hà Nội đã không có ý kiến.

Sự kiện vấn đề quần đảo Hoàng Sa không được đặt ra phải được hiểu là Hà Nội đã nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc trên quần đảo Hoàng Sa như là một sự đã rồi.

Hà Nội kết thân với Nam Triều Tiên

Ngày 9-10-1992, Nam Triều Tiên đã mở văn phòng liên lạc chính thức tại Hà Nội. Đây là một chặng đường tiến tới bình thường hóa quan hệ giữa hai nước theo một thỏa ước được ký kết từ tháng 4-1992 vừa qua. Theo dự trù, hai bên sẽ thiết lập quan hệ cấp đại sứ trong vòng một năm tới.

Chưa thấy chế độ Bắc Triều Tiên có phản ứng nào về biến cố này. Nhưng chắc chắn là dù chế độ Bắc Triều Tiên có nổi giận và cắt đứt quan hệ ngoại giao thì Hà Nội cũng chấp. Nam Triều Tiên có đó là và đó là tất cả những gì Hà Nội mong đợi. Vinh biệt tình đoàn kết chiến đấu xã hội chủ nghĩa.

Trước đó một tuần, Bắc Triều Tiên cũng đã chịu cay đắng nặng nề. Trung Quốc đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Nam Triều Tiên. Đại sứ Bắc Triều Tiên đã đến gặp bộ trưởng ngoại giao Trung Quốc Tiền Kỳ Sâm để phản đối, nhưng đã chỉ được tiếp xúc sau khi tổng thống Nam Triều Tiên Roh Tae Woo (Lư Thái Ngu) đã chấm dứt chuyến viếng thăm Trung Quốc và quan hệ ngoại giao giữa hai bên đã thành chính thức.

Người ta có thể tưởng tượng ngoại trưởng Trung Quốc Tiền Kỳ Sâm ăn căn phân giải rằng "chúng tôi hoàn toàn thông cảm sự phẫn nộ của các đồng chí, và nếu các đồng chí lấy quyết định đoạn giao với chúng tôi thì chúng tôi cho quyết định đó là hoàn toàn hợp lý"!

Cải tổ chính phủ

Một chính phủ cải tổ đã ra đời sau khi thành phần mới đã được

THỜI SỰ... TIỀN TÚC... THỜI SỰ...

Quốc Hội khóa 9 thông qua trong ba ngày họp được tuần báo "Vietnam Investment Review" (của Ủy Ban Nhà Nước về Hợp Tác và Đầu Tư, xuất bản bằng tiếng Anh) mô tả là "thảo luận nóng bỏng".

Chính phủ này gồm 20 bộ, 7 cơ quan ngang bộ và 3 tổng cục ngang bộ. Một Hội Đồng Quốc Phòng và An Ninh được thành lập gồm Lê Đức Anh (chủ tịch nước) trong chức vụ chủ tịch, Võ Văn Kiệt (thủ tướng) phó chủ tịch, và bốn ủy viên Nông Đức Mạnh (chủ tịch quốc hội), Đoàn Khuê (bộ trưởng quốc phòng), Bùi Thiện Ngộ (bộ trưởng nội vụ) và Nguyễn Mạnh Cầm (bộ trưởng ngoại giao).

Nhìn vào thành phần mới của chính phủ, có thể nói không có thay đổi gì đáng kể. Trong số 20 bộ, chỉ có ba bộ có khuôn mặt mới là y tế (Nguyễn Trọng Nhân), năng lượng (Thái Phụng Nê) và lâm nghiệp (chưa rõ ai phụ trách). Trong số 11 cơ quan được xem ngang hàng bộ, cũng chỉ có ba người mới là Lê Xuân Trinh (bộ trưởng phủ thủ tướng), Trần Thị Thanh Thanh và Hà Quang Dự (bí thư thứ nhất đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh). Bà Trần Thị Thanh Thanh phụ trách bảo vệ trẻ em, là người đàn bà duy nhất trong chính phủ.

Ngoài ra tất cả các chức vụ khác vẫn giữ nguyên người cũ, kể cả ba phó thủ tướng Phan Văn Khải, Nguyễn Khánh và Trần Đức Lương.

Ba ông Vũ Ngọc Hải (năng lượng), Phạm Song (y tế), và Trần Xuân Giá (chánh văn phòng của chủ tịch hội đồng bộ trưởng) đã mất chức vì tham nhũng.

Nếu nói rằng cuộc cải tổ chính phủ này là "binh mới rượu cũ" thì cũng không sai lắm. Có lẽ binh cũ rượu cũ thì đúng hơn.

Ông Đỗ Mười mê sáng?

Bài diễn văn khai mạc khóa họp thứ nhất của quốc hội mới (báo Nhân Dân ngày 27-9-1992) của tổng bí thư Đỗ Mười có thể làm người ta thắc mắc về trạng thái tâm thần của ông và của những người viết diễn văn cho ông.

Ngay phần mở đầu, ông Đỗ Mười nói: "Trong xã hội ta quyền lực của nhà nước là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đây là tư tưởng lớn của chủ tịch Hồ Chí Minh". Một học sinh trung học cũng phải biết đây là câu nói của A. Lincoln và đã được nhắc đi nhắc lại cả triệu lần trong gần một thế kỷ rưỡi qua. Ông Hồ Chí Minh đạo văn trắng trợn hay ông Đỗ Mười rối loạn tâm thần?

Chắc chắn ông Đỗ Mười không tự nghĩ là mình dốt vì ngay sau đó, ông dạy dỗ cẩn thận các đại biểu quốc hội như một thầy giáo dạy trẻ con, ông nói: "Điều quan trọng là mỗi đại biểu quốc hội đều ý thức sâu sắc mình là người được nhân dân ủy nhiệm tham gia quyết định những việc trọng đại của đất nước, mọi việc mình làm đều phải thể hiện ý chí, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân. Phải phấn đấu để xứng đáng với danh hiệu cao quý là đại biểu nhân dân, vì nhân dân mà hết lòng phục vụ".

Nếu các vị đại biểu quốc hội có bị ông Đỗ Mười tận tình giáo dục như vậy thì cũng chẳng oan gì cho lắm, quý vị do người ta đặt đề lên để cho người ta sai bảo thì nhân danh cái gì để đòi người ta kính trọng? Những kẻ đi làm tay sai cho người ta, dù có được việc người ta vẫn khinh.

Đặc sắc nhất là khi ông Đỗ Mười thuyết giảng về nhân quyền,

ông nói như sau: "Hiện nay có những người tự cho mình là người phán xét cao nhất về nhân quyền, chỉ trích người khác là vi phạm nhân quyền. Song tôn trọng nhân quyền là gì nếu không phải là bảo đảm quyền con người được sống trong hòa bình độc lập tự do, được quyền có cuộc sống ấm no hạnh phúc [...]"

Những kẻ lợi dụng tự do, dân chủ để phản bội tổ quốc, chống lại đồng bào đều phải bị xử phạt nghiêm minh. [...] Nhân quyền mà chúng ta quan niệm là như vậy. Xét theo những tiêu chuẩn đó chúng ta có thể khẳng định đất nước ta, nhân dân ta, nhà nước ta thật sự tôn trọng nhân quyền, tôn trọng tuyên ngôn và các công ước quốc tế về con người..."

Nếu quả thực ông Đỗ Mười có đọc những tuyên ngôn và công ước quốc tế về nhân quyền thì chắc chắn ông đã không thể nói như vậy.

Những người ít văn hóa thường hay nói ầu một cách quả quyết. Nhưng lần này ông Đỗ Mười đi quá xa. Không biết ông có còn bình thường không?

Nguyễn Mạnh Cầm đi Nhật ra về tay không

Ngày 14-10-1992, ngoại trưởng Hà Nội, Nguyễn Mạnh Cầm, đã rời Tokyo về nước sau chuyến công du kéo dài bốn ngày. Mục đích của chuyến viếng thăm này, mà Hà Nội không hề giấu giếm, là để mưu tìm viện trợ kinh tế của Nhật. Nhưng ông Cầm đã tuyên bố khi về đến Việt Nam là vấn đề này vẫn còn cần thảo luận lại. Tuy nhiên ông Cầm cho hay là tín dụng của Nhật sẽ dễ dãi hơn trước, mặc dầu ông không nói sẽ "dễ dãi hơn" như thế nào.

Thủ tướng Nhật, Miyazawa cho ông Cầm hay là Nhật đang chuẩn bị để tái lập viện trợ kinh tế cho Việt Nam, nhưng không nói rõ sự chuẩn bị này sẽ hoàn tất vào lúc nào.

Lệnh cấm vận của Hoa Kỳ vẫn còn là một trở ngại trong việc tái lập viện trợ Nhật đã bị cắt từ năm 1979 khi quân cộng sản Việt Nam tiến vào Kampuchea.

Trong chuyến viếng thăm này, ông Nguyễn Mạnh Cầm cũng đã nhân danh nhà nước cộng sản Việt Nam mời thủ tướng Nhật Miyazawa và ngoại trưởng Nhật Watanabe sang thăm Việt Nam. Chỉ có ngoại trưởng Nhật nhận lời nhưng lại không ấn định ngày nào.

Người Việt tị nạn tự sát để đánh động lương tâm thế giới

Ngày 15-9 vừa qua, nhân chuyến viếng thăm của sứ thần tòa thánh Vatican tại trại tị nạn Galang trên một đảo thuộc Indonesia, ba thuyền nhân đã dùng dao tự mổ bụng để đánh động lương tâm thế giới về tình trạng của người tị nạn Việt Nam trong các trại này. Không rõ số phận của ba người này ra sao.

Trong vòng 18 ngày, trại Galang đã chứng kiến bảy vụ tự sát để phản đối thanh lọc bắt công. Ngày 27-8, một thanh niên tự thiêu, sau đó hai người tự mổ bụng và một người uống thuốc độc.

Cũng như tại Hồng Kông, các trại tị nạn khác ở Thái Lan và Indonesia đã tổ chức thanh lọc. Thủ tục phỏng vấn từng người để xếp họ vào loại "tị nạn chính trị" hay "tị nạn kinh tế" được tiến hành một cách sơ sài, người bị thanh lọc thường không nói được ý mình qua các thông dịch viên, nên có rất nhiều người bị loại, chờ ngày tống xuất trở lại Việt Nam. Gần đây nhất là vụ cưỡng

TUẦN TỨC... THỜI SỰ... TUẦN TỨC...

bách hồi hương ngày 10-10-1992 từ Hồng Kông, trong đó có 21 phụ nữ, 25 trẻ em và 12 đàn ông bị trả về Việt Nam.

Ngoài ra, Cao Ủy Tị Nạn (UNHCR) cũng đã cắt giảm các khoản trợ cấp cho người tị nạn Việt Nam. Theo UNHCR, họ cần tiền cho các chương trình khác ở Nam Tư, Bangladesh, Kampuchea và các nước Châu Phi.

Cánh hữu Pháp theo dõi vụ án nhóm Diễn Đàn Tự Do

Sau khi nhận được thư yêu cầu bệnh vực nhóm Đoàn Viết Hoạt mang chữ ký của nhiều nhà trí thức và chuyên gia Việt Nam (số người ký lúc ban đầu là 100, nhưng sau đó những chữ ký ủng hộ đã tăng gấp đôi), cựu tổng thống Valéry Giscard d'Estaing đã trả lời ông Nguyễn Gia Kiểng (người gởi thư).

Cựu tổng thống Giscard d'Estaing cho biết ông đã "dành tất cả chú ý" cho vấn đề này, và rằng "tôi mong mỗi nước Việt Nam tiến tới một tương lai hòa bình trong một nền dân chủ được phục hồi, để mọi người Việt Nam có được cuộc sống xứng đáng". Cựu tổng thống Giscard d'Estaing cho hay ông đã ủy thác hồ sơ cho cựu bộ trưởng Didier Bariani, người đặc trách các vấn đề quốc tế của đảng UDF và cũng là người hiểu biết rõ tình hình Việt Nam.

Ông Giscard d'Estaing, năm nay 66 tuổi, từng là tổng thống Pháp từ 1974 đến 1981. Hiện vẫn còn hoạt động chính trị rất tích cực, ông là chủ tịch UDF (Union pour la Démocratie Française). Trong một cuộc phỏng vấn truyền hình ngày 18-10-1992, ông Giscard d'Estaing cho hay ông có thể sẽ ứng cử tổng thống Pháp trong nhiệm kỳ tới đây.

Về phía đảng RPR (Rassemblement Pour la République), Didier Quentin, phụ tá của chủ tịch RPR Jacques Chirac về các vấn đề quốc tế, đã liên lạc với ông Nguyễn Gia Kiểng để yêu cầu được thông báo thường xuyên về vụ này để có thể can thiệp hữu hiệu.

Ông Jacques Chirac, 60 tuổi, hiện là thị trưởng thủ đô Paris và chủ tịch đảng RPR, đã hai lần làm thủ tướng Pháp và đã hai lần ra ứng cử tổng thống. Ông hiện được coi là người có hy vọng nhất để trở thành tổng thống Pháp trong nhiệm kỳ tới. Đảng RPR của ông theo các thăm dò dư luận là đảng được hậu thuẫn mạnh nhất hiện nay.

Hai tổ chức RPR và UDF dù là hai tổ chức riêng rẽ và đã từng cạnh tranh nhau trong hai cuộc bầu cử tổng thống vừa qua nhưng lại liên minh với nhau để cầm quyền. Theo các cuộc thăm dò dư luận gần đây, liên minh RPR-UDF sẽ thắng lớn trong cuộc bầu cử sắp tới. Họ có thể được tới 2/3 số dân biểu trong quốc hội.

Lụt lớn tại miền Trung

Những trận mưa liên tiếp đã gây ra lụt lớn tại năm tỉnh duyên hải miền Trung, từ Nghệ An đến Đà Nẵng, nặng nhất là tại Quảng Bình làm 23 người thiệt mạng, 2.500 người không nhà ở, và hàng ngàn hecta hoa màu bị thiệt hại. Lụt cũng đã làm hư hao nhiều đường giao thông và đường xe lửa Thống Nhất. Quốc lộ 1 bị ngập sâu nhiều đoạn, có đoạn nước dâng cao hơn mặt đường 1 mét trên một quãng dài 5 km. Phà sông Gianh đã ngừng hoạt động từ ngày 7-10. Tại Quảng Bình mưa to đã liên tiếp trút xuống tới 5-10 đến sáng 9-10 mới ngừng. Hà Tĩnh cũng bị mưa liên tiếp từ 5-10 đến

8-10-1992.

Một đoàn xe mô-tô Harley Davidson cũng đã phải chấm dứt ngay cuộc hành trình Bắc Nam mà họ dự định. Họ được trực thăng chở về Hà Nội. Đoàn người này gồm 21 người Pháp dự định đi từ Sài Gòn ra Hà Nội trên những chiếc mô-tô của đoàn tùy tùng tổng thống Việt Nam Cộng Hòa trước đây. Họ đã khám phá ra những chiếc xe hoen rỉ này trong một ga-ra tại Sài Gòn. Sau khi đã sửa chữa những chiếc xe chế tạo từ 1957 này, họ đã rời Sài Gòn ngày 30-9-1992. Trên đường đi, họ đã bị một xe cam nhông đụng phải và sáu người trong số đó có trường đoàn đã bị thương.

Võ Nguyên Giáp: tướng về hưu bận rộn

Michel Tauriac sẽ không tới Việt Nam trong năm 1992. Nhà báo lão thành và biết rất rõ đất nước Việt Nam này đã nộp đơn xin vào Việt Nam từ đầu hè, nhưng tới nay vẫn chưa được chiếu khán nhập cảnh, mặc dầu đã nhắc nhở sứ quán Hà Nội nhiều lần. Michel Tauriac muốn tới Việt Nam vì ba mục đích. Mục đích thứ nhất là viết một cuốn hướng dẫn du lịch. Ông đã được hợp đồng của một nhà xuất bản lớn. Michel Tauriac tin là cuốn sách của ông sẽ giúp rất nhiều cho ngành du lịch Việt Nam. Mục đích thứ hai là viết một loạt phóng sự về các sắc dân ít người. Mục đích cuối cùng là để phỏng vấn cựu đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Michel Tauriac đã được trả lời là vấn đề của ông chưa thể giải quyết được vì một mặt miền cao nguyên trung phần (mà chính quyền cộng sản gọi là tây nguyên) hiện nay mất an ninh. Còn tướng Giáp thì rất bận rộn và chưa có thì giờ để tiếp Michel Tauriac.

Michel Tauriac rất cảm động vì bỗng nhiên được chính quyền cộng sản lo lắng cho an ninh cá nhân ông. Riêng về tướng Giáp, mà Michel Tauriac đã từng phỏng vấn, ông rất thích được phỏng vấn. Từ sau đại hội 7, tướng Giáp đã bị cho về hưu. Tuy vậy đảng đã quyết định là ông rất bận rộn.

Michel Tauriac hiểu tại sao ông ta gặp khó khăn. Mấy năm trước đây, sau một chuyến thăm viếng Việt Nam, ông đã viết một loạt phóng sự được coi là bất lợi cho Hà Nội.

Cả đảng bộ lẫn chính quyền tan rã vì một căn nhà

Khi ông Huỳnh Văn Hội - chủ căn nhà số 53 đường Trần Quốc Thảo, phường 7, quận 3 Sài Gòn - qua đời, ông để lại chúc thư cho ông Trần Thanh Hà căn nhà đó. Ông Trần Thanh Hà bên yêu cầu bốn gia đình mà ông Hội đã đồng ý cho ở trước đó dọn đi chỗ khác. Bà Lê Thị Hồng, phó chủ tịch ủy ban nhân dân phường, đứng ra bệnh vực bốn gia đình này nhưng không được ông Nguyễn Trường Nhân, chủ tịch ủy ban nhân dân phường, tán thành. Trước đó bà Hồng đã gây cản trở không cho ông Hà làm thủ tục thừa hưởng căn nhà. Về vụ tranh tụng này bà Hồng "được" cho đi học bổ túc văn hóa.

Đó là chuyện ba năm về trước. Từ đó kiện tụng và ra tòa. Bốn hộ bị mời ra khỏi nhà đều là đảng viên cả cho nên câu chuyện mới rắc rối. Có lẽ sự "chấp nhận" cho ở của ông chủ quá cố Huỳnh Văn Hội cũng không vui về gì lắm nên lúc lâm chung ông mới làm di chúc cho ông Hà thừa hưởng căn nhà. Tòa xử cho ông Hà thắng, kháng án lên tòa trên, tòa trên vẫn cho ông Hà thắng.

THỜI SỰ... TUYÊN TỨC... THỜI SỰ...

Nhưng đồng chí Lê Thị Hồng đã mãn khóa học và trở về tiếp tục tranh đấu. Trong thời gian này ông Hồ Văn Bền đã thay ông Nguyễn Trường Nhân làm chủ tịch ủy ban nhân dân. Ông Bền cũng ủng hộ ông Hà và tuyên bố tòa đã xử, ai còn chống là trái luật pháp. Luật pháp là một đảng, đảng viên lại là một vấn đề khác. 39 đảng viên già liên kết làm kiến nghị, vận động quận ủy, thành ủy. Cuộc tranh đấu cuối cùng đã đem lại thắng lợi nhờ một đại tá hồi hưu nhảy vào giúp đỡ. Đảng bộ thành phố quyết định không cho ông Hà thừa hưởng căn nhà.

Giữa lúc nhà nước cộng sản rêu rao tôn trọng pháp luật, thì đây là bằng chứng cụ thể đảng bộ thành phố xé toạc phán quyết của cả tòa dưới lẫn tòa trên. Ai cần một bằng chứng rằng đảng cộng sản ở trên và ở ngoài pháp luật?

Câu chuyện như thế đã là quá ly kỳ. Nhưng chưa phải là hết. Trong cuộc tranh chấp này, phe chống luật pháp gồm toàn người già. Báo Tuổi Trẻ số 112/92 ra ngày 24-9-1992 thuật lại như sau:

Đi Nguyễn Thị Hồng Tâm, đảng ủy viên phụ trách kiểm tra đảng của phường tỏ vẻ lo buồn cho biết: "Trong suốt quá trình tranh đấu để làm trong sạch nội bộ đó, điều đáng tiếc là ngoài chị Hồng thì không có cán bộ, đảng viên trẻ đương chức nào tham gia".

Thế là đảng thắng luật pháp nhờ tranh đấu. Nhưng thắng rồi lại tan ngay vì cả bị thư phường bộ lẫn chủ tịch ủy ban nhân dân phường phần nộ bỏ nhiệm sở không thêm đến làm việc nữa, mà cũng chẳng ai làm gì được họ vì một khi luật pháp đã bị chà đạp lên như thế thì còn lấy tiêu chuẩn nào để chế tài ai.

Điều cũng đáng ngạc nhiên là báo Tuổi Trẻ từ trước vẫn được coi là tờ báo bênh vực tuổi trẻ và luật pháp lần này lại ủng hộ những cán bộ già và thành ủy ngồi xồm lên luật pháp.

Những người "chiến thắng" đang đứng ra tổ chức lại đảng và chính quyền tại phường 7, quận 3. Việt Nam đang sống dưới chế độ gì đây?

Chỉ vì một căn nhà mà làm tan cả đảng lẫn chính quyền tại một phường!

Ngày cầu nguyện hòa bình cho Việt Nam tại Roma

Trong ba ngày 5, 6 và 7-10-1992 vừa qua, 250 tu sĩ và tín hữu Việt Nam từ 11 quốc gia đã đến Roma để cầu nguyện cho hòa bình trên quê hương.

1. Phái đoàn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu do thượng tọa Thích Tánh Thiệt, phái đoàn GHPGVNTN tại Hoa Kỳ do các thượng tọa Thích Giác Lượng, Thích Minh Tuyên và đại đức Thích Giác Đăng hướng dẫn.

2. Phái đoàn Cao Đài hải ngoại do giáo hữu Ngọc Sách Thanh, phái đoàn Cao Đài tòa thánh Tây Ninh do giáo hữu Thượng Mãng Thanh hướng dẫn

3. Phái đoàn Phật Giáo Hòa Hảo do tu sĩ Thái Hòa, Hoa Kỳ hướng dẫn

4. Phái đoàn Tin Lành Việt Nam do mục sư Trần Minh Hải hướng dẫn

5. Phái đoàn Công Giáo do đức ông Mai Thanh Lương, giám đốc văn phòng Mục Vụ Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, linh mục Nguyễn Quang Đán, bề trên giám tỉnh dòng Dòng Công Hoa Kỳ, linh mục Nguyễn Đình Tuyển, bề trên dòng Xi-tô Orsommes

Thụy Sĩ hướng dẫn.

Theo tin từ Roma, nhà cầm quyền Việt Nam, qua đại sứ Nguyễn Việt tại Italia, đã đến bộ ngoại giao của tòa thánh Vatican để phản đối, cũng như họ đã làm áp lực yêu cầu Đức Cha Nguyễn Văn Sang, giám mục Thái Bình kiêm phó chủ tịch Hội Đồng Giám Mục Việt Nam can thiệp yêu cầu ngưng việc tổ chức ngày cầu nguyện hòa bình này.

Giới truyền thông Việt Nam hải ngoại đã đặc biệt chú ý đến ngày liên tôn cầu nguyện cho hòa bình tại Việt Nam. Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ, đài BBC của Anh, RFI của Pháp và nhiều báo chí Việt ngữ đã có mặt để tường thuật về biến cố này.

Đức Hồng Y Francis Arinze, chủ tịch Hội đồng tòa thánh đối thoại liên tôn giáo, là cơ quan bảo trợ cho ngày cầu nguyện, đã đọc diễn văn khai mạc tại thánh đường Gioan Phaolô II của đại học giáo hoàng Urbaniana thuộc bộ truyền giáo. "Quê hương Việt Nam của anh chị em không còn chiến tranh. Đáng mừng là những năm chiến tranh đã chấm dứt, nhưng việc chữa trị các hậu quả của nó đòi hỏi các tôn giáo phải cố vô cầu nguyện, tha thứ cho nhau, yêu thương và thông cảm hiệp nhất."

Đức Hồng Y Josef Tomko người Slovak, tổng trưởng bộ truyền giáo và cũng là chủ tịch đại học Urbaniana, đã đến chào thăm và ngỏ lời cùng cộng đoàn: "Nhân danh tình yêu huynh đệ và lợi ích của đất nước, hãy tha thứ hòa giải và bỏ qua để xây dựng tương lai và bắt đầu viết chung nhau những trang vàng của lịch sử mới của quý vị, trong đó phải nổi bật tình yêu, vui mừng, chân lý, hòa bình, từ bi bác ái, huynh đệ, tình liên đới, và trên hết là con người với tất cả phẩm giá của nó."

Các phái đoàn tôn giáo lần lượt lên lễ đài để cử hành lễ cầu nguyện theo nghi thức của mỗi tôn giáo cho quốc dân Việt Nam sớm được an bình, tự do, thịnh vượng.

Trước khi kết thúc, một lời kêu gọi chung kết đã được phổ biến, trong đó có đoạn: "Ngày nay, những biến cố dồn dập xảy ra làm sống lại một cách khản trương hơn nỗi tâm hồn mỗi người Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, nỗi khát vọng hòa bình thực sự. Thật thế, mặc dầu những cuộc chiến vũ trang đẫm máu đã không còn xảy ra trên quê hương Việt Nam, nhưng vẫn còn cánh tang thương của tình trạng nghèo đói băng hoại xã hội, độc tài hận thù, tị nạn, vì tự do tín ngưỡng và các quyền tự do căn bản khác chưa được tôn trọng. [...] Chúng tôi thành tâm khẩn nguyện và thiết tha kêu gọi tất cả mọi tín đồ các tôn giáo Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, đoàn kết với nhau trong nỗ lực làm cho nỗi khát vọng hòa bình chân thật của đồng bào chúng ta trở thành hiện thực vì niềm tin tôn giáo có sức mạnh cải hóa lòng người, liên kết toàn dân để vượt thắng mọi chia rẽ hận thù và cùng nhau xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn."

Các đại diện các tôn giáo đã quyết nghị thành lập Văn Phòng Liên Lạc và Nghiên Cứu có nhiệm vụ tìm một phương thức hợp tác giữa các tôn giáo để thực hiện các ý nguyện hòa bình cho Việt Nam.

Đức Giáo Hoàng, trong buổi tiếp kiến các phái đoàn, đã ngỏ lời như sau: "Tôi chào mừng nồng nhiệt các phái đoàn tôn giáo đến dự Ngày Cầu Nguyện Hòa Bình cho Việt Nam. Tôi hiệp ý cầu nguyện cho quê hương quý vị là một nước mà tôi hằng ân cần lo lắng quý chuộng. Tôi cầu mong sự đối thoại và hợp tác giữa tín hữu các tôn giáo được phát triển để tạo lợi ích vật chất cũng như tinh thần cho đồng bào của quý vị."

Ủy Ban Dân Chủ tổ chức nói chuyện

Chiều chủ nhật 25-10-1992, Ủy Ban Dân Chủ Việt Nam đã tổ chức tại quận 12 Paris một buổi nói chuyện về tình hình đất nước sau khi trong nước có quốc hội mới và chính phủ mới. Đã có hơn 50 người tham dự. Buổi nói chuyện được sự điều hợp của các ông Đinh Văn Hoàng, Bùi Doãn Khanh và Nguyễn Văn Trần.

Mở đầu, ông Bùi Tín đã phác họa một số nét về chính trị Việt Nam. Hiến pháp mới bị coi là còn cũ, đặc biệt hai điểm bị phê phán là quyền sở hữu tư nhân về ruộng vườn và quyền tự do kinh doanh vẫn không được công nhận đầy đủ. Quốc hội mới, chính phủ mới, nhưng vẫn rất cũ. Nạn tham nhũng hoành hành. Phong trào phản kháng trong nước gia tăng. Phong trào cộng đồng hải ngoại có nét phát triển.

Ông Võ Long Triều trình bày một vài nhận xét về chính sách ngoại giao của chính quyền Hà Nội. Ông chia đường hướng đối ngoại làm năm giai đoạn: thời kỳ rập khuôn quan thầy, thời kỳ kiểu căng trong chiến thắng, thời kỳ bối rối dò đường, thời kỳ đổi mới và mở cửa, và thời kỳ cầu cạnh làm thân. Ông đưa ra dữ kiện chứng minh rằng Hà Nội chưa hiểu một chút gì hoặc không chịu hiểu về sinh hoạt của cộng đồng các nước thuộc thế giới tự do.

Ông Bùi Doãn Khanh đặt vấn đề: trí thức Việt Nam, anh là ai? anh ở đâu? anh đang làm gì? Sau phần trình bày, cuối cùng ông đề nghị trả lời cho câu hỏi: trí thức Việt Nam phải làm gì bây giờ? Theo ông, trí thức phải can đảm giành cho bằng được quyền tham dự trực tiếp vào việc lãnh đạo đất nước. Trước mắt, trí thức phải đòi hỏi cho bằng được quyền giao lưu thông tin và trao đổi khoa học giữa trong và ngoài nước.

Ông Võ Nhân Trí nói về tình hình kinh tế Việt Nam hiện nay. Nạn buôn lậu lan tràn, chủ yếu với Trung Quốc, do cấu kết của cán bộ nhà nước. Thất nghiệp lên đến 20% nhân lực. Đầu tư: từ 1987 đến tháng 9-1992, chỉ có ba tỉ rưỡi đô-la, trong đó chỉ có một phần tư được thực hiện. Theo báo Nhân Dân, các đại biểu Quốc Hội mới đã phê phán báo cáo vừa qua của phó thủ tướng Phan Văn Khải, chỉ đưa ra các mặt tích cực mà không nói gì đến khuyết điểm. Ông Trí thừa nhận là tình hình kinh tế Việt Nam có chút tiến bộ, nhưng chỉ như một mảng trời quang mây trong một bầu trời vẫn hết sức đen tối. Theo ông, muốn thực sự ra khỏi cuộc khủng hoảng hiện nay, phải thực sự đổi mới kinh tế một cách văn minh và khoa học, cùng tốc độ với đổi mới chính trị là có một nền dân chủ đa đảng thực sự.

Sau phần thuyết trình của bốn diễn giả, cử tọa đã tham gia thảo luận sôi nổi. Đã có những đề nghị: tổ chức biểu tình chống đối sự hiện diện của Phan Văn Khải (phó thủ tướng) tại Paris, ủng hộ trí thức trong nước, ủng hộ Đoàn Viết Hoạt, phản đối việc bắt giữ 13 tu sĩ Phật Giáo và cái chết mờ ám của Thượng Tọa Thích Thiện Ân, việc đưa Lý Tống vào nhà thương Biên Hòa, v.v...

Buổi họp đã kết thúc vào lúc 18 giờ cùng ngày.

Yêu Huế, giúp Huế

Các di tích lịch sử tại Huế đã chịu nhiều tổn thất rất nặng nề trong những trận đánh vào dịp Tết Mậu Thân 1968. Quân cộng sản đã chiếm được Thành Nội và cố thủ sau hơn một tháng giao tranh dữ dội. Huế nhiều lịch sử, nhiều di tích nhưng cũng rất

không nhiều đam mê và thù hận.

Trong Tết Mậu Thân, quân cộng sản đã tàn sát và chôn tập thể trên bốn ngàn người gồm cả quân nhân, trí thức, tu sĩ, phụ nữ và trẻ em. Sự mê cuồng của con người Huế mạnh đến nỗi hơn 10 năm sau vụ tàn sát này trong cuốn phim của Henri de Turenne, Hoàng Phủ Ngọc Tường, một trí thức cho cộng sản mượn tên làm cấp lãnh đạo chính quyền lâm thời Huế, không những không hối tiếc còn mặt sát những nạn nhân và nói "cách mạng giết chúng cũng như giết những con rắn độc".

Giàu lịch sử, giàu di tích, giàu say mê nhưng Huế từ xưa vẫn nghèo xơ xác và càng ngày càng nghèo đi từ 1975 vì bị bỏ rơi. Nguồn lợi chính của Huế là du lịch, nhưng trong 10 tháng đầu năm 1992 đã chỉ có 10.000 du khách tới thăm Huế, tính ra trung bình chỉ có 30 du khách mỗi ngày. Con số này dù vậy cũng đã gấp ba số du khách cùng thời gian năm 1991. Đường sá xấu, khách sạn tồi, phi trường nhỏ và thiếu tiêu chuẩn. Hàng tuần chỉ có hai chuyến bay nhỏ từ Hà Nội và ba chuyến nhỏ từ Sài Gòn. Thị trường Nguyễn Huệ từ nhiều năm nay đã có tình vận động để mở mang và phục hồi Huế.

Học sinh Huế rất hiếu học và thông minh. Năm 1992, Nguyễn Thái Bình, một học sinh lớp 12 trường cấp II, III Gia Hội Huế, đã đỗ thủ khoa trường Đại Học Sư Phạm Huế và Đại Học Ngân Hàng Sài Gòn, hạng nhì tại trường Đại Học Bách Khoa Sài Gòn. Bình nói "em thấy mình sợ dốt nên gắng học". Có người hỏi nếu xa Huế, Bình nhớ trước tiên về ai, Nguyễn Thái Bình trả lời: "Bình nhớ hoài hình ảnh cái chòi tôn nằm ở sau vườn bên cạnh bờ hồ mà ba em dựng từ năm học lớp 11. Tại cái chòi ấy em đã ngồi học và có được những gì hôm nay".

Tại hải ngoại, Hội Người Yêu Huế thành lập từ 1984 đã cố giúp Huế phát triển du lịch. Một hoạt động cụ thể của Hội Người Yêu Huế là xin học bổng cho học sinh Huế. Với 300 FF (hay 60 USD) mỗi năm bà con hải ngoại có thể đỡ đầu cho một thiếu niên Huế.

Hội Người Yêu Huế: 25 rue de Crimée, 75019 Paris - France.

Họp Thân Hữu Thông Luận

ngày chủ nhật 15-11-1992 lúc 14 giờ 30
tại Maison des Mines et des Ponts et Chaussées

270, rue Saint Jacques, Paris 5^e, métro Luxembourg
Kính mời quý độc giả và thân hữu tham dự buổi
thảo luận với đề tài:

Việt Nam có thể có dân chủ được không?

Diễn giả: Giáo sư Nguyễn Huy Bảo, cựu khoa
trưởng Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, cựu trưởng
đoàn chuyên viên UNESCO tại Zaire.

Tim người thân

Ông Lê Đình Duyên muốn biết tin cháu là ông Lê Đình Trung Lương và vợ là Thúy Nga. Xin liên lạc về địa chỉ: Lê Đình Duyên, 1292 Adelle street - Garden Grove - CA 92641, USA.

Lý Tống

Những điều khó có thể chấp nhận trong phần tin viết về sự kiện Lý Tống đăng trên Thông Luận số 53.

[...] Dùng chữ "cướp máy bay" để gọi hành động của Lý Tống là không chính. Chữ "cưỡng bức" hoặc "uy hiếp phi hành đoàn" dùng với sự kiện hơn.

Thông Luận phê phán "...nhưng cách làm của Lý Tống suýt nguy hại đến tính mạng của hàng trăm người vì tính anh hùng cá nhân là điều đáng tiếc và khó chấp nhận được..., khát vọng dân chủ không được biểu hiện một cách đúng đắn, để rồi làm phát sinh những hành động chống đối nguy hiểm và nóng nảy".

Trong tranh đấu, giới hạn tối đa tổn thất về nhân mạng và tài sản của quốc dân là tôn chỉ của chúng ta. Nhưng đấu tranh tất nhiên phải chấp nhận hy sinh và chịu tổn thất; chính mức độ hy sinh và tổn thất đó sẽ quyết định tính bền vững và giá trị của chiến thắng. Sẽ không có một phương thức đấu tranh nào, dù đó là một phương thức triệt để ôn hòa, có thể hoàn toàn tránh được tổn thất. Cuộc cách mạng mùa thu 1989 tại Tiệp Khắc - vẫn được gọi là "cách mạng nhung" - không phải không có nạn nhân và đổ máu. Sinh mạng của hơn 100 hành khách nạn là đáng trọng. Nhưng nếu so với lẽ sống của gần 70 triệu dân Việt Nam, với tương lai của đất nước, với tiền đồ của dân tộc thì bên nào trọng hơn?

Lý Tống bị cộng sản Việt Nam bắt tù từ đầu tháng 4-1975, năm 1980 ông trốn trại và vượt biên qua ngã Cam-Bốt, khi đến được đất Thái Lan thì lại bị nhốt giam, ông một lần nữa đào thoát rồi trốn sang Mã Lai, từ Mã Lai ông vượt biển sang Singapore, và cuối cùng ông đến được Hoa Kỳ năm 1983. Một cuộc vận lý trường chinh 2500 cây số tìm tự do ròn rã trong suốt ba năm trời với muôn ngàn hiểm nguy, gian khó và trắc trở như thế, nếu không là một người nghị lực phi thường ắt không thể thực hiện nổi.

Tại Hoa Kỳ, Lý Tống bắt đầu theo học ngành bang giao quốc tế; và theo một số báo chí Việt ngữ, ông đòi trường phải cho trình luận án tiến sĩ trước thời điểm 8-8-1992. Đến Mỹ định cư năm 1983, xin trình luận án năm 1992, một người phải thông minh trên mức trung bình mới có thể đạt được thành tích học vấn đó. Cũng vẫn theo một số báo chí, Lý Tống chưa lập gia đình. Ở vào tuổi tứ tuần như ông mà vẫn chưa màng đến chuyện vợ con, lại theo học ngành bang giao quốc tế, hẳn Lý Tống phải mưu đồ việc lớn.

Hành động của một người giàu nghị lực, thông minh và nuôi chí lớn như Lý Tống lại có thể bị phê phán là "nóng nảy", là phát sinh từ "tính anh hùng cá nhân" được sao?

Từ cuối tháng 4-1975, biết bao cá nhân và tổ chức đối lập đã nỗ lực khai thông tình thế, bằng phương thức ôn hòa cũng như bạo động, nhưng tới nay thế cuộc vẫn chưa biến chuyển theo chiều hướng thuận lợi cho đối lập Việt Nam. Hành động của Lý Tống là một góp sức trong nỗ lực khai thông đó. Đồng thời, nó cũng còn mang ý nghĩa của một cuộc trắc nghiệm, trắc nghiệm tinh thần và phản ứng của đồng bào quốc nội đối với nỗ lực từ hải Thông Luận 54 - Tháng 11.92

ngoại vận động tranh đấu cho tự do dân chủ tại quê hương.

Việc làm của Lý Tống là đáng tiếc hay cần thiết, hành động của Lý Tống phát sinh từ tình anh hùng cá nhân hay từ tình tha xả thân vì đại nghĩa, Lý Tống nóng nảy và nguy hiểm hay cao cả và quên mình... là điều lịch sử sẽ phán xét sau này. Và chỉ có lịch sử mới đủ thẩm quyền phê phán về những người dám hy sinh, dám chết để dân tộc được sống như Lý Tống.

Nguyễn Hữu Đức (Nieuwegein, Hòa Lan)

Soát xét kỹ trước

[...] Tôi cảm ơn Thông Luận đã chuyển báo đến bạn tôi ở Canada, chúng tôi đều có nhận xét là Thông Luận viết có chiều sâu của sự phân tích và thuyết phục được người đọc. Một vài bài báo phù hợp với bề bạn trong nước tôi thường photô và gửi về để cùng đọc nhất là những tin về các hoạt động của đối lập trong và ngoài nước. Tôi cũng có viết về bà Đoàn Việt Hoạt theo như Thông Luận đề nghị độc giả.

Theo tôi, Phù Du viết rất dí dỏm qua các bài "Văn Hiến", "Cứu nguy trái đất". Bài viết hoàn chỉnh về ngôn từ, đúng mức nhất là bài "Chế độ kinh tế và chế độ chính trị" của Nguyễn Phục Việt. Các bài khác đều rất tốt - phải nói là rất tốt - nhưng vẫn thấy đôi khi không hoàn toàn thỏa mãn. Tôi xin góp ý thế này:

- Trong số 53 đưa tin về Dương Thu Hương, đến đoạn cuối có viết "mà Dương Thu Hương gọi là mouchard"... Tôi mới học tiếng Pháp, tôi không biết mouchard là gì, tôi phải mở từ điển. Tôi không biết Dương Thu Hương có giỏi ngôn ngữ Pháp không hay chỉ biết một ít từ để mai mỉa kẻ chỉ điểm. Nhiều người đọc Thông Luận ở các quốc gia khác nhau có chung nguồn gốc Việt Nam, vậy ta cứ viết tất cả bằng chữ Việt Nam. Khi cần thì thêm ngôn ngữ Pháp hoặc Anh trong ngoặc là rõ ràng hơn cả. Những kẻ như Đỗ Phương Quỳnh đáng bị vạch mặt chỉ tên là kẻ chỉ điểm hèn hạ cho mọi người biết rõ, có sao ta phải viết tránh đi là mouchard?

- Bài "Hai cái nhìn về người Việt tại Moskva" viết đoạn đầu rất tốt, nhưng đến đoạn cuối "Hay biết đâu đáng tiếc... chống lại ta" tôi không thấy thỏa mãn, Thông Luận có thấy xuôi không?

- Câu "Ông thú nhận... cũng bị tái họa như chơi" cũng trong số 52 của Tôn Thất Thiện, đọc lên vẫn cứ băn khoăn.

Tôi không có ý cố tìm những sơ hở trong các bài viết vì làm thế không có ích gì. Nhưng tôi thấy cũng nên góp ý với Thông Luận soát xét kỹ trước khi đưa lên trang báo để cho Thông Luận ngày càng hoàn chỉnh hơn cả về nội dung và văn phong, thuyết phục hơn cho mọi đối tượng đọc Thông Luận.

Phạm Ngọc Trường (Tours, Pháp)

Xin cảm ơn ông đã góp ý. Về việc viết chữ Pháp, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ông. Trong trường hợp ông nêu, ban biên tập đã quên không chú thích thêm tiếng Việt cho chữ mouchard của Dương Thu Hương. Phần góp ý về hai bài trong Thông Luận 52, xin đề các tác giả thẩm định. Ban biên tập chỉ xin mạn phép trình bày là không có chủ trương "soát xét" nội dung các bài viết, ban biên tập chỉ có thể góp ý với các tác giả là người hoàn toàn chịu trách nhiệm về bài viết của mình.

Sở Tay

Giá Argus

Hai năm nay xe hơi ế dề, các công ty xe hơi khóc dở chết dờ. Nhưng hội chợ xe hơi quốc tế tại Paris lần này thì lại đông hơn hẳn những hội chợ trước. Trên một triệu người vào. Thì ra, cũng như vợ chồng tôi, người ta tới đó để xem xe cho đã mắt, để tưởng tượng, để mơ mộng. Chung quanh gian hàng Jaguar người ta chen nhau chặt ních đến độ vợ chồng tôi không cách gì chen chân vô được, mặc dầu cũng muốn chiêm ngưỡng chiếc xe JX20 trị giá gần một triệu đô-la Mỹ.

Rõ là nghèo mà ham, mơ mộng dờm. Nhưng biết đâu mơ mộng lại chẳng là động cơ của tiến bộ? Một anh bạn tôi nói rằng Việt Nam không khá được vì giấc mơ của các vị lãnh đạo tầm thường quá. Thế giới người ta đi xa lộ thênh thang thì ông Tố Hữu, có lúc làm tới Phó Thủ Tướng đặc trách kinh tế, chỉ mơ "đường ta rộng thênh thang sáu thước", hay là "với sức người sỏi đá cũng thành cơm". Toàn là "sức người" và "cơm" thì có chết tôi không cơ chứ, trong khi người ta dùng cơ giới và ăn steak. Về phạm trù steak, có một nhà nghiên cứu của đảng đã làm một khám phá rất lớn là ăn rau muống bở hơn ăn thịt bò. Chưa thấy nhà khoa học này được giải Nobel. Cái mơ của những người trưởng thành từ du kích có hạn hẹp thì còn hiểu được, nhưng đến như các nghệ sĩ, mà nghề nghiệp là mơ giùm người khác, mà cũng chỉ có những giấc mơ nhỏ bé thì kệt quá. Trịnh Công Sơn, một nhạc sĩ mà tôi rất ái mộ, trong một bản nhạc mà tôi rất thích mơ rằng một ngày mai "dân ta về cày bừa đủ áo cơm no". Lại cày bừa, cuốc xẻng, lại cơm! Bao giờ chúng ta mới vươn lên trên thứ "văn hóa thực phẩm" này để dám mơ chiếc xe Jaguar XJ20?

Vợ chồng tôi tới hội chợ xe hơi để mơ. Nhưng mơ làm sao được khi bị chen lấn, xô đẩy đến ngộp thở? Mỗi mét vuông phải có đến ba bốn người. Chúng tôi đầu hàng, rủ nhau ra xem gian hàng voitures d'occasion, tiếng Mỹ là used cars, tiếng Việt là xe cũ. Xe cũ cũng là giấc mơ không quá khích lắm so với túi tiền của chúng tôi, một giấc mơ có vẻ bình thường và cụ thể hơn.

Nhưng xem xe cũ thì chẳng có gì đặc sắc để xem, ngoại trừ xem giá của chúng. Và giá thì cũng chẳng có gì bất ngờ, nó được tính một cách chính xác theo một công thức áp dụng cho từng loại xe. Ở bên Pháp gọi là giá Argus, nghĩa là giá xe cũ theo tuổi tác. Có những loại xe hầu như không mất giá với thời gian như Mercedes. Có những loại xe như Fiat giá xuống ào ào như cầu tuột. Còn thì chung chung mỗi năm mất đi khoảng 15% trị giá. Xem thế mà lạnh xương sống. Tính ra một chiếc xe trung bình, dùng được,

mỗi năm mất giá đi một số tiền đủ để cho một gia đình đông con ở nước ta sống thoải mái.

Tôi chợt nghĩ tới một nhà tư tưởng nói rằng vật chất thì hao mòn xuống cấp, chỉ có tư tưởng là vĩnh cửu. Về đến nhà tôi bèn lục các sách báo cũ ra đọc lại xem với thời gian giá Argus của những gì người ta đã viết và nói ra thay đổi như thế nào.

Thật là bàng hoàng. Trị giá Argus của tư tưởng Việt Nam còn xuống cấp nhanh gấp bội xe hơi. Có những bài nghị luận cho rằng Việt Nam và các nước cộng sản sẽ chỉ thoát khỏi ách cộng sản sau một thế chiến. Có những bài chê các nước dân chủ phương Tây là khờ khạo, ngay thơ ấu trí thế nào cũng bị cộng sản nuốt sống. Có những bài phân tích rất hùng hồn cho rằng glasnost và perestroika của Gorbachev chỉ là trò bịp bợm, lùi một bước để tiến hai bước. Có những bài kêu gọi đừng gởi quà về giúp thân nhân vì "mỗi thùng quà là một viên đạn bắn vào sau lưng chiến sĩ" (không thấy nói chiến sĩ nào). Cũng có những bài hồi ký viết từ "chiến khu quốc nội" với đầy đủ chi tiết. Trị giá Argus zero!

Nhưng đó là tư tưởng phản động. Còn tư tưởng tiến bộ thì sao?

Còn bết bát hơn nữa. Đại đa số là những bài ca tụng Mác vĩ đại, Lenin vĩ đại, Stalin vĩ đại, Hồ Chủ Tịch vĩ đại, cách mạng Nga vĩ đại, Liên Xô vĩ đại, Trung Quốc vĩ đại. Và có cả những bài mạt sát thậm tệ "bọn bành trướng bá quyền Bắc Kinh". Trị giá Argus không phải là zero mà còn âm là đáng khác. Có một điện văn hân hoan chúc mừng những thành tựu to lớn của Ceausescu đúng một tháng trước khi ông này bị giết và bị phơi bày như một con quái vật. Có bài phát biểu của một đồng chí cao cấp ca tụng Cộng Hòa Dân Chủ Đức như một mô hình mẫu mực vài tuần trước khi chế độ này bị nuốt chửng. Có vô số bài nói về sự giãy chết của chủ nghĩa tư bản. Những bài này không chừng lại có một trị giá Argus nếu đem vào kho tàng văn chương trào phúng.

Sau cùng là bản Hiến pháp 1992, một công trình trí tuệ siêu việt của toàn đảng. Đọc xong tôi cảm tưởng là các tác giả ghi sai năm, phải gọi là Hiến pháp 1892 thì đúng hơn. Hay là các tác giả "đầu thai làm thế kỷ" (*).

Vấn đề định giá Argus không đặt ra. À, nếu những người cầm bút và những nhà tư tưởng chịu nghĩ đến giá trị Argus của những điều mình sáng tác ra sau một vài năm thì hay biết mấy! Ở Việt Nam có một nhà thơ tên là Nguyễn Du biết bản khoán tự hồi liệu ba trăm năm sau có còn ai rung cảm với tác phẩm của mình không. Có lẽ chính vì thế mà ông ta là nhà thơ lớn nhất.

Phủ Du

(*) Vũ Hoàng Chương có làm bài thơ Ra Khơi (năm 1940?) trong đó hình như có hai câu "Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ; một đời người u uất nổi chơ vơ". Nhưng một anh bạn tôi lại nói hai câu đó là: "Lũ chúng bay đầu thai làm thế kỷ, một hai thăng ngu dốt nói vu vơ". Tôi mù tịt về văn chương, nếu có trích sai xin cáo lỗi.

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 150 FF hoặc tương đương
Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc hoặc tương đương
Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó